

Tòa Phúc Thẩm Hoa Kỳ
Tòa Lưu Ngang Vương
Năm

ÑÃÕ ÑÃP
Ngày 10/01/2014
Lyle W. Cayce
Thö kỳ

**TẠI TÒA PHÚC THẨM HOA KỲ
TÒA LƯU ĐỘNG VÙNG NĂM**

Số 13-30095

**CHỦ ĐỀ: DEEPWATER HORIZON — KHÁNG CÁO THỎẢ THUẬN HÒA GIẢI VỤ KIỆN
TẬP THỂ ĐỐI VỚI THIẾT HẠI KINH TẾ VÀ TÀI SẢN**

**Kháng Cáo từ Tòa Án Quận Hoa Kỳ
của Quận Đông Louisiana**

Với sự có mặt của DAVIS, GARZA, và DENNIS, Các Thẩm Phán Tòa Lưu Động.
W. EUGENE DAVIS, Thẩm Phán Tòa Lưu Động:

Đây là kháng cáo tạm thời theo lệnh của tòa án quận xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt một thoả thuận hòa giải theo Quy Tắc 23 của Quy Định Liên Bang về Tố Tụng Dân Sự.¹ Vụ kiện trước tòa án quận đang diễn ra này bao gồm cả các khiếu nại đối với Công ty Khai thác và Sản xuất Dầu khí Anh Quốc, British Petroleum Exploration & Production, Inc. (“BP”) và nhiều đối tượng khác. Tất cả các khiếu nại này đều liên quan đến vụ nổ năm 2010 trên *Deepwater Horizon*, một giàn khoan ngoài khơi, cũng như hậu quả tràn dầu vào Vùng Vịnh Mexico.

Một số những người kháng án ban đầu trong vụ việc này đã tự nguyện rút đơn kháng án, và chúng tôi đã chấp thuận hành động đó. Do vậy chúng tôi không xem xét các tranh luận chỉ liên quan đến những người kháng án đó nữa. Ba nhóm kháng án còn lại—”Bên Chống Án Allpar,” “Bên Chống Án Cobb,” và “Bên Chống Án BCA”—đều đã kiến nghị với tòa án quận trong đó phản đối xác nhận về vụ kiện tập thể và sự phê duyệt thoả thuận hoà giải dựa trên nhiều

¹ Xem *Sự Cố Tràn Dầu bởi Dàn Khoan Dầu Deepwater Horizon thuộc Vùng Vịnh Mexico*, vào ngày 20/04/2010, 910 F. Supp. 2d 891 (E.D. La. 2012).

Số 13-30095

điều khoản của Quy Tắc 23. Tòa án quận đã xem xét và bác bỏ các tranh luận của Bên Chống Án trong quyết định ban hành ngày 21/12/2012. Nay Bên Chống Án kháng cáo quyết định của tòa án quận và yêu cầu tòa án này điều tra lại và ra chỉ thị bác bỏ xác nhận vụ kiện tập thể nói trên, cũng như hủy phê duyệt Thỏa Thuận Dàn Xếp.

Nay BP cũng yêu cầu tòa án này hủy bỏ quyết định của tòa án quận, mặc dù BP không phải là bên kháng cáo chính thức và, trên thực tế, BP ban đầu đã ủng hộ cả xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thỏa thuận hòa giải trước tòa án quận. Bên cạnh các biện luận mới của mình theo Quy Tắc 23, BP còn đưa ra những biện luận bổ sung về Điều III vị thế tranh chấp của một số thành viên của vụ kiện tập thể trong việc khiếu nại theo quy định của Thỏa Thuận Hòa Giải. Tuy nhiên, không giống với Bên Chống Án, BP cho rằng Thỏa Thuận Hòa Giải có thể được tận dụng nếu “được thực hiện và cấu thành đúng cách”. Theo quan điểm của BP, mọi vấn đề mà làm cho thỏa thuận hòa giải vụ kiện tập thể mất hiệu lực theo Điều III và Quy Tắc 23 là do có hai Thông Báo Chính Sách được ban hành bởi Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường, Patrick Juneau, người được bổ nhiệm bởi tòa án quận theo Thỏa Thuận Hòa Giải.

Theo như dưới đây, chúng tôi không thể đồng ý với các biện luận của Bên Chống Án hoặc BP. Tòa án quận đã đúng khi kết luận rằng các yêu cầu áp dụng của Quy Tắc 23 đã được tuân thủ trong vụ án này. Ngoài ra, cho dù các biện luận của BP liên quan đến các Mục 4B và 4C là đúng theo diễn dịch hợp đồng hay không, thì việc xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thỏa thuận hòa giải cũng đều không vi phạm các quy định của Điều III trong vụ việc này. Theo đó, lệnh của tòa án quận được xác nhận.

I.

Bối cảnh thực tế của vụ án này được mô tả chi tiết hơn trong văn bản ý kiến của tòa án quận, *Trong vụ Sự Cố Tràn Dầu bởi Dàn Khoan Deepwater Horizon tại Vùng Vịnh Mexico, ngày 20/04/2010*, 910 F. Supp. 2d 891 (E.D. La. 2012), và theo quyết định trước đó của một ban hội thẩm khác thuộc tòa án này, *Trong vụ Deepwater Horizon*,

Số 13-30095

732 F.3d 326 (Tòa Lưu Động Vùng 5. 2013) (“*Deepwater Horizon I*”). Như đã trình bày tại mục *Deepwater Horizon I*, BP đã cho thuê giàn khoan *Deepwater Horizon* để khoan tại khu vực dầu tiềm năng Macondo ngoài bờ biển Louisiana. Vào ngày 20/04/2010, một giếng thăm dò liên quan mật thiết với giàn khoan này đã bị nổ. Sau vụ nổ ban đầu và trong thời gian xảy ra hỏa hoạn sau đó, giàn khoan bị chìm xuống, khiến cho hàng triệu thùng dầu tràn ra Vùng Vịnh Mexico. Nhiều đối tượng đã bị kiện, trong số đó nhiều vụ đã được Hội Đồng Xét Xử Kiện Tụng Đa Quận chuyển giao cho Tòa Án Quận Hoa Kỳ của Quận Đông Louisiana theo 28 U.S.C. § 1407.

Để thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu (“OPA”), ban đầu BP đã xây dựng quy trình khiếu nại riêng và sau đó tài trợ quy trình khiếu kiện dưới sự quản lý của Ban Khiếu Nại Bờ Biển Vùng Vịnh (“GCCF”) nhằm mục tiêu bồi thường khiếu nại ngay lập tức, thay vì tại thời điểm kết thúc tranh tụng. BP sau đó đã bắt đầu đàm phán thỏa thuận hòa giải tập thể vào tháng 02/2011 và đã phối hợp với Ban Điều Hành của các Nguyên Đơn (“PSC”) để chuyển giao các vụ khiếu nại từ GCCF sang một chương trình chịu sự giám sát trực tiếp của tòa án quận.

Vào ngày 16/04/2012, PSC đã nộp Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi, đồng thời đề xuất Thỏa Thuận Hòa Giải để tòa án quận phê duyệt bước đầu. Theo các điều khoản của Thỏa Thuận Hòa Giải, tòa án quận đã bổ nhiệm Patrick Juneau là Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường của chương trình hòa giải. Mặc dù Thỏa Thuận Hòa Giải vẫn chưa nhận được phê duyệt cuối cùng của tòa án quận theo Quy Tắc 23 của Quy Định Liên Bang về Tố Tụng Dân Sự, nhưng Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã bắt đầu xem xét các khiếu nại mà chưa được GCCF giải quyết đồng thời cũng xem xét cả các khiếu nại mới vào tháng 06/2012 theo Phần 4, Thỏa Thuận Hòa Giải của các bên, có tiêu đề là “Thực Thi Thỏa Thuận Hoà Giải”.

Ngày 13/08/2012, sau phiên tòa sơ thẩm và đã có thông báo tới các thành viên vắng mặt của tập thể đề xuất, BP và PSC

Số 13-30095

đã xúc tiến để có được phê duyệt cuối cùng cho Thỏa Thuận Hòa Giải và chứng nhận vụ kiện tập thể như được xác định tại đoạn văn bản 306, Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi. Bên Chống Án Allpar, Bên Chống Án Cobb, và Bên Chống Án BCA đều đã gửi ý kiến phản đối lên tòa án quận, phản đối việc xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thỏa thuận hòa giải theo các điều khoản khác nhau của Quy Tắc 23. Sau phiên điều trần công bằng ngày 08/11/2012 để xem xét ý kiến của các Bên Chống Án và nhiều đối tượng khác theo Quy Tắc 23(e), tòa án quận đã ra phán quyết cuối cùng xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt Thỏa Thuận Hòa Giải của các bên vào ngày 12/12/2012. Tòa án quận đặc biệt nhấn mạnh rằng “bồi thường không có hạn mức” theo Thỏa Thuận Hòa Giải sẽ “đảm bảo rằng lợi ích được trả cho một thành viên của tập thể sẽ không làm giảm hoặc gây ảnh hưởng đến lợi ích của thành viên khác.”² Các Bên Chống Án đã kháng cáo.

BP đã ủng hộ Thỏa Thuận Hòa Giải trong suốt vụ kiện này và bao gồm cả phán quyết của tòa án quận vào ngày 21/12/2012. Nay BP lập luận rằng hai Thông Báo Chính Sách của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường liên quan đến việc diễn giải và áp dụng Thỏa Thuận Hòa Giải - cả hai đều đã được thông qua theo lệnh của tòa án - đã khiến cho Thỏa Thuận Hòa Giải vi phạm Quy Tắc 23, Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc, và Điều III của Hiến Pháp Hoa Kỳ.

Một trong hai Thông Báo Chính Sách này của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đề cập đến việc diễn giải và áp dụng Mục 4C của Thỏa Thuận Hòa Giải có tiêu đề là “Khung Bồi Thường cho các Yêu Cầu Bồi Thường Tổn Thất Kinh Tế Doanh Nghiệp”. Thông Báo Chính Sách được phê duyệt ngày 05/03/2013, bởi tòa án quận thông qua một phán quyết mà sau đó đã trở thành chủ đề của phiên kháng án được thụ lý bởi Thẩm Phán Dennis, Clement và Southwick tại Deepwater Horizon I. Thỏa Thuận Hòa Giải

² trích dẫn tương tự ở trang 918

Số 13-30095

Mục 4C của Thỏa Thuận Hòa Giải quy định công thức tính toán các khoản phải trả cho các thành viên của vụ kiện tập thể như là bồi thường tổn thất kinh tế liên quan tới doanh nghiệp. Tuy nhiên, nội dung của Mục 4C không xác định rõ ràng phương pháp kế toán mà Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường phải áp dụng khi diễn giải công thức thanh toán này. BP đã biện luận trước bồi thẩm đoàn rằng diễn giải Mục 4C của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường không phản ánh được chủ ý của các bên trong việc áp dụng phương pháp kế toán lũy kế, thay vì phương pháp tiền mặt, khi đánh giá báo cáo tài chính của tất cả các bên khiếu nại tiềm năng. PSC không đồng ý và lập luận rằng Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường cũng có thể áp dụng phương pháp quyết toán bằng tiền mặt nếu người yêu cầu bồi thường tiềm năng thường sử dụng phương pháp tiền mặt trong chính các hoạt động lưu giữ sổ sách và kế toán kinh doanh của mình.

Sau khi xem xét ý kiến của các bên, đa số thành viên bồi thẩm đoàn tại *Deepwater Horizon I* đã thống nhất giữ lại vụ án để điều tra thêm nhằm xem xét lại các vấn đề diễn giải hợp đồng phát sinh theo Mục 4C.³Tòa án quận đã ra quyết định bổ sung vào ngày 24/12/2013,⁴BP cũng đã kháng cáo phán quyết này.⁵

Thông Báo Chính Sách thứ hai của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đề cập đến việc diễn giải và áp dụng Mục 4B của Thỏa Thuận Hòa Giải, có tiêu đề là “Các Yêu Cầu về Quan Hệ Nhân Quả đối với Các Yêu Cầu Bồi Thường Tổn Thất Kinh Tế Doanh Nghiệp [*sic*]”. Trong khi Mục 4C của Thỏa Thuận Hòa Giải xây dựng công thức xác định thiệt hại kinh tế, Mục 4B vạch ra các tiêu chí để người yêu cầu bồi thường tiềm năng có thể chứng minh cho Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường rằng các thiệt hại của họ là hệ quả của sự cố tràn dầu *Deepwater Horizon*. Trong Thông Báo Chính Sách, Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường giải thích:

³ *Deepwater Horizon I*, 732 F.3d tại 346.

⁴ Phán Quyết ngày 24/12/2013 (Ghi chép Tài liệu số 12055) (“Phản Hồi về việc Giữ lại để điều tra các Vấn Đề Tổn Thất Kinh Tế Doanh Nghiệp”).

⁵ Thông Báo Kháng Án của BP (Ghi chép Tài liệu số 12066).

Số 13-30095

Thỏa Thuận Hòa Giải không dự tính việc Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường sẽ phân tích bổ sung về các vấn đề quan hệ nhân quả ngoài các tiêu chí được quy định rõ trong Thỏa Thuận Hòa Giải. Đáp lại yêu cầu của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường, cả Luật Sư Tập Thể và BP đều đã khẳng định rằng thực tế đây là một tuyên bố chính xác về ý định của họ và về các điều khoản của Thỏa Thuận Hòa Giải. Do đó, Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường sẽ bồi thường cho những người yêu cầu bồi thường Tổn Thất Kinh Tế Doanh Nghiệp và Tổn Thất Kinh Tế Cá Nhân đủ điều kiện tất cả tổn thất phải trả theo các điều khoản của khung Tổn Thất Kinh Tế trong Thỏa Thuận Hòa Giải, bất kể việc liệu những tổn thất đó là do hay có thể là do một nguyên nhân khác ngoài sự cố tràn dầu Deepwater Horizon, miễn là những người yêu cầu bồi thường đó thỏa mãn các yêu cầu về quan hệ nhân quả cụ thể được quy định trong Thỏa Thuận Hòa Giải.⁶

Hồ sơ cho biết không bên nào chính thức phản đối lại Thông Báo Chính Sách thứ hai này, và tòa án quận đã phê duyệt Thông Báo Chính Sách đó trong một phán quyết được đưa ra ngày 09/04/2013. Phán quyết đó không bao giờ được kháng cáo độc lập đối với tòa án này. Trong bản tóm tắt sơ lược mà BP đã đệ trình tại phiên kháng cáo này ngày 30/08/2013, BP “không xác nhận về sự thích đáng *hay không*” của Thông Báo Chính Sách thứ hai liên quan đến sự hợp pháp của xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thỏa thuận hòa giải của vụ án này.

BP cũng chưa bao giờ nói rằng Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã sai khi tuyên bố rằng “[c]ả Luật Sư Tập Thể và BP đã... xác nhận rằng [Thông Báo Chính Sách thứ hai] trên thực tế đã nói đúng về ý định của họ và các điều khoản của Thỏa Thuận Hòa Giải”. Thực tế thì trong hồ sơ có một bức thư điện tử của Thẩm Phán Barbier gửi cho một số người tham dự tại vụ kiện này ghi rõ về “phiên đàm phán” ngày 12/12/2012, trong đó

⁶ Xem Khai Báo của Andrew T. Karron, Ex. 19-R, at 2 (Ghi chép Tài liệu số 8963-71).

Số 13-30095

được xác nhận rằng “Luật Sư đại diện của BP và PSC đồng ý với phân tích khách quan về quan hệ nhân quả của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường liên quan đến đánh giá của ông về các yêu cầu bồi thường thiệt hại kinh tế”, như đã nêu trong Thông Báo Chính Sách thứ hai.⁷ Trong hồ sơ không có bất kỳ phản đối hoặc bất đồng được tuyên bố nào đối với nội dung thư điện tử của tòa án quận. Bức thư điện tử này sau đó được trích dẫn trong phán quyết của tòa án quận trong đó phê duyệt Thông Báo Chính Sách ngày 09/04/2013.

Tuy nhiên, ngày 11/10/2013, tại phiên kháng cáo này, BP đã gửi bản tóm tắt bổ sung trong đó BP lập luận là tính hợp pháp của Thỏa Thuận Hòa Giải bị đe dọa như nhau bởi ảnh hưởng của cả hai Thông Báo Chính Sách đối với việc diễn giải và áp dụng Mục 4B và 4C. Theo quan điểm của BP, cả hai Thông Báo Chính Sách này của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đều cho phép những người yêu cầu bồi thường mà không bị bất kỳ một tổn hại thực tế nào do vụ tràn dầu cũng được tham gia vào hòa giải tập thể và nhận thanh toán. Theo BP, việc này khiến thỏa thuận hòa giải tập thể vi phạm Quy Tắc 23, Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc, và Điều III.

II.

Trước khi tiếp cận các vấn đề liên quan đến xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thỏa thuận hòa giải theo Quy Tắc 23, chúng tôi phải giải quyết vấn đề thuộc Điều III như là ngưỡng của thẩm quyền xét xử.⁸ Các vấn đề về luật liên quan đến vị thế tranh chấp theo hiến pháp đều được xem xét lại từ đầu.⁹ “Các cơ sở lập luận, rõ ràng hoặc có hàm ý, do tòa án quận phát hiện trong quá trình xác định thẩm quyền xét xử cũng được rà soát để kiểm tra lỗi”.¹⁰ “Tòa phúc thẩm có thể không xem xét các bằng chứng mới ngay từ lần đầu tiên tại phiên kháng cáo và cũng có thể không xem xét các cơ sở lập luận mà không xuất hiện trước

⁷ Xem nt., Ex. 19-V (Ghi chép Tài liệu số 8963-75).

⁸ *Rivera v. Wyeth–Ayerst Labs.*, 283 F.3d 315, 319 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2002).

⁹ *Bonds v. Tandy*, 457 F.3d 409, 411 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2006).

¹⁰ *Cole v. Gen. Motors Corp.*, 484 F.3d 717, 721 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2007).

Số 13-30095

tòa án quận tại thời điểm phán quyết bị kháng cáo”.¹¹

Chuẩn mực lạm dụng quyền định đoạt chi phối quá trình xem xét của tòa án này đối với xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt phán quyết của tòa án quận theo Quy Tắc 23.¹² Tòa án này đã tiến hành tái xem xét để xác định xem tòa án quận có áp dụng đúng tiêu chuẩn pháp lý hay không.¹³ Quan trọng là “Quy Tắc 23 không cho phép các tòa án tham gia vào các cuộc truy vấn phẩm chất tùy nghi tại bước xác nhận. Các câu hỏi về phẩm chất có thể được xem xét ở mức độ - và chỉ ở mức độ - mà chúng liên quan đến việc xác định xem các điều kiện tiên quyết của Quy Tắc 23 đối với việc xác nhận vụ kiện tập thể này có được đáp ứng hay không”.¹⁴

III.

Như đã giải thích trong đơn tóm tắt bổ sung, điểm mấu chốt trong lập luận về vị thế tranh chấp của BP là Điều III “ngăn ngừa việc xác nhận một thỏa thuận hòa giải tập thể mà bao gồm cả các thành viên không gặp phải bất kỳ tổn hại nào” hoặc “không phải chịu bất kỳ thiệt hại nào do sự cố Deepwater Horizon”. Theo quan điểm của BP, do có nhiều cá nhân như thế đã được nhận và có thể sẽ tiếp tục được nhận tiền bồi thường theo thỏa thuận hòa giải tập thể, nên Điều III yêu cầu tòa án này phải sửa đổi phán quyết ngày 21/12/2012 của tòa án quận.

BP đứng trên hai khía cạnh. Thứ nhất, vị thế tranh chấp như quy định tại Điều III bao gồm cả tổn hại thực tế và mối liên hệ nhân quả tới hành vi của bị đơn.¹⁵ Thứ hai, theo các quyết định trước đó của tòa này, cả hai nội dung trên đều phải được đưa ra như là ngưỡng của thẩm quyền xét xử

¹¹ *Quesada v. Napolitano*, 701 F.3d 1080, 1084 n.9 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2012); *Ramchandani v. Gonzales*, 434 F.3d 337, 339 n.1 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2005); *Theriot v. Giáo xứ of Jefferson*, 185 F.3d 477, 491 n.26 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1999).

¹² *Cole*, 484 F.3d tại 723; xem *Spence v. Glock, Ges.m.b.H.*, 227 F.3d 308, 310 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2000); *Trong vụ Kiện Tụng Chống Độc Quyền Gà. Am. Poultry*, 669 F.2d 228, 238 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1982).

¹³ *Mims v. Stewart Title Guar. Co.*, 590 F.3d 298, 304 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2009).

¹⁴ *Amgen Inc. v. Conn. Ret. Plans & Trust Funds*, 133 S. Ct. 1184, 1194-95 (2013).

¹⁵ Xem *Lujan v. Những Người Bảo Vệ Động Vật Hoang Dã*, 504 U.S. 555, 560-61 (1992).

Số 13-30095

mỗi khi tòa án quận xác nhận vụ kiện tập thể theo Quy Tắc 23.¹⁶

Tuy nhiên, đáng chú ý là BP đã không nỗ lực để xác định chuẩn mực mà chúng ta phải áp dụng để xác định xem liệu các nội dung này có được đáp ứng hay không trong vụ án. Những tham chiếu thường thấy trong các tóm tắt của BP gửi cho “rất nhiều những thành viên mà không phải chịu bất kỳ một tổn hại nào theo Điều III” không được đưa ra trong các tranh luận về các yêu cầu bào chữa, bằng chứng phù hợp, hay chuẩn mực của bằng chứng để theo đó luận chứng của các bên được đánh giá trong các giai đoạn khác nhau của vụ kiện. Cụ thể, lập luận của BP không giải thích được tòa án này hoặc tòa án quận phải làm như thế nào để nhận biết hoặc thậm chí là biết được có sự tồn tại của “những người yêu cầu bồi thường mà không gặp phải tổn hại thuộc thẩm quyền tòa án”, nhằm mục đích truy vấn về vị thế tranh chấp trong quá trình xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thoả thuận hòa giải.

Do vậy, trong các phần sau, chúng tôi sẽ xem xét quy định pháp lý về chuẩn mực áp dụng liên quan đến các vấn đề của Điều III xét trong bối cảnh cụ thể của Quy Tắc 23, và sau đó sẽ tiếp tục đánh giá các cơ sở lập luận của vụ án này. Như được giải thích dưới đây, mặc dù các cơ quan hữu quan đã đề xuất hai cách tiếp cận các vấn đề của Điều III ở giai đoạn xác nhận vụ kiện tập thể, cả hai cách tiếp cận đó đều đòi hỏi chúng tôi loại bỏ lập luận vị thế tranh chấp của BP. Do đó, dù có áp dụng sự thẩm định nào đi nữa thì Điều III cũng không quy định phải sửa đổi phán quyết trong vụ việc này.

A.

Theo giải thích của Tòa Án Tối Cao trong vụ *Lujan v. Những Người Bảo Vệ Động Vật Hoàng Dã*, 504 U.S. 555, 560-61 (1992), các nội dung về vị thế tranh chấp như quy định tại Điều III được duy trì không đổi trong suốt quá trình kiện tụng: tổn hại thực tế, tính khả thi trong việc xác nhận tổn hại này bị gây ra bởi hành vi của bị đơn, và khả năng tổn hại này sẽ được bồi thường với khoản đền bù được yêu cầu. Tuy nhiên, *Lujan* đã nhấn mạnh rằng chuẩn mực được sử dụng để xây dựng ba nội dung cơ bản này lại không cố định mà ngày càng trở nên khắt khe hơn khi các bên trải qua “các giai đoạn kiện tụng nối tiếp nhau”. Trong *Lewis v. Casey*, 518 U.S.

¹⁶ Xem *Cole*, 484 F.3d tại 721-22; *Rivera*, 283 F.3d tại 318-19.

Số 13-30095

343, 358 (1996), Tòa Án Tối Cao đã tái xác nhận tuyên bố này:

Do không đơn thuần chỉ là các yêu cầu biện hộ, mà còn là một phần không thể thiếu trong vụ việc của nguyên đơn, nên từng nội dung của vị thế tranh chấp nói trên phải được chứng minh giống như bất kỳ vấn đề nào khác mà nguyên đơn chịu trách nhiệm về mặt bằng chứng, *tức là*, bằng chứng phải có các đặc tính và mức độ theo đúng yêu cầu tại các giai đoạn kiện tụng nối tiếp nhau. Trong giai đoạn biện hộ, các luận chứng thực tế chung về tổn hại gây ra bởi hành vi của bị đơn có thể là đủ, vì đối với đề nghị bác đơn, chúng tôi cho rằng các luận chứng chung đó bao gồm các cơ sở lập luận cụ thể cần thiết để hỗ trợ cho các yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, trước đề nghị phán quyết tóm lược, nguyên đơn không thể chỉ phụ thuộc vào các luận chứng đơn thuần đó, mà phải thông qua tuyên thệ hoặc cơ sở lập luận có bằng chứng cụ thể khác mà sẽ được coi là đúng vì mục đích của đề nghị phán quyết tóm lược. Và ở giai đoạn cuối cùng, những cơ sở lập luận đó (nếu được đưa ra tranh luận) cần được chứng minh đầy đủ bởi bằng chứng đưa ra trước tòa.¹⁷

Lujan và *Lewis* đưa ra một khung hữu ích, nhưng lại không giải quyết toàn diện tất cả các giai đoạn kiện tụng mà vị thế tranh chấp như quy định tại Điều III có thể cần được đề cập. Cụ thể, đoạn trích này không giải thích các tòa án làm thế nào để đánh giá được vị thế tranh chấp có liên quan để phục vụ cho công tác xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thoả thuận hòa giải theo Quy Tắc 23.

Để trả lời cho câu hỏi này, các tòa án đã áp dụng hai phương pháp phân tích. Theo một phương pháp, được tán thành bởi ba Thẩm Phán cùng nhất trí trong vụ *Lewis*,¹⁸ nhiều tòa lưu động, và một

¹⁷ *Lewis*, 518 U.S. tại 358 (trích dẫn *Lujan*, 504 U.S. tại 561) (các dấu ngoặc kép và dấu trích dẫn đã được lược bỏ).

¹⁸ *nt. at 395-96* (Souter, J., nhất trí một phần, bất đồng một phần, và đồng ý với phán quyết; có sự tham gia của Ginsburg, J., và Breyer, J.).

Số 13-30095

luận thuyết có ảnh hưởng,¹⁹ truy vấn chỉ xoay quanh vị thế tranh chấp như quy định tại Điều III liên quan đến “các nguyên đơn đã được chỉ tên” hoặc “các đại diện của vụ kiện tập thể”. Sự thẩm định này yêu cầu các tòa án phải hoàn toàn bỏ qua các thành viên vắng mặt của tập thể:

Các nguyên đơn không có tên không cần phải bày tỏ vị thế tranh chấp cá nhân để nhận được bồi thường, bởi vấn đề vị thế tranh chấp là liệu nguyên đơn có trình diện trước tòa theo cách phù hợp hay không, chứ không phải là liệu các bên được đại diện hoặc các thành viên vắng mặt của tập thể có trình diện trước tòa theo cách phù hợp hay không. Việc nguyên đơn đã có tên, và đã đáp ứng các yêu cầu vị thế tranh chấp cá nhân, có thể đòi quyền của các thành viên vắng mặt của tập thể hay không không phải là vấn đề về vị thế tranh chấp và cũng không phải là một trường hợp của Điều III hay một vấn đề gây tranh cãi, mà thay vào đó phụ thuộc vào việc có đáp ứng được các điều kiện tiên quyết của Quy Tắc 23 liên quan đến vụ kiện tập thể hay không.²⁰

Trong những năm sau vụ Lewis, phương pháp tiếp cận truy vấn về vị thế tranh chấp này trong quá trình xác nhận vụ kiện tập thể đã được áp dụng bởi các Tòa Lưu Động Vùng Bảy,²¹ Chín,²² và Ba.²³ Thêm vào đó, Tòa Lưu Động Vùng Mười còn áp dụng sự thẩm định này tối thiểu là trong “[các] vụ kiện tập thể bồi thường tiềm năng theo phán quyết” và có thể là cả trong các vụ án tập thể đòi bồi thường thiệt hại.²⁴ Theo quyết định được trích dẫn thường xuyên của

¹⁹ W. RUBENSTEIN, A. CONTE & H. NEWBERG, NEWBERG VỀ CÁC VỤ KIẾN TẬP THỂ § 2:3 (5TH ED. 2011) (“Các thành viên thụ động này không cần phải bày tỏ vị thế tranh chấp cá nhân bởi vấn đề vị thế tranh chấp là liệu các nguyên đơn có tên có trình diện trước tòa theo cách phù hợp hay không, chứ không phải là liệu các bên được đại diện hoặc các thành viên vắng mặt của tập thể có trình diện trước tòa theo cách phù hợp hay không”).

²⁰ Lewis, 518 U.S. tại 395-96 (Souter, J., nhất trí một phần, bất đồng một phần, và đồng ý với phán quyết) (các dấu ngoặc kép và dấu trích dẫn đã được lược bỏ).

²¹ Kohen v. Pac. Inv. Mgmt. Co. LLC, 571 F.3d 672, 676-78 (Tòa Lưu Động Vùng 7. 2009).

²² Stearns v. Ticketmaster Corp., 655 F.3d 1013, 1020-21 (Tòa Lưu Động Vùng 9. 2011) (“Ngược lại, luật pháp của chúng ta tập trung vào bên đại diện, chứ không hướng tới tất cả các thành viên tập thể, và điều này đã được thực thi trong nhiều năm... Trong vụ kiện tập thể, vị thế tranh chấp được đảm bảo nếu có tối thiểu một nguyên đơn đã có tên đáp ứng được các yêu cầu. . . .” (các dấu ngoặc kép và dấu trích dẫn bên trong đã được lược bỏ)).

²³ Trong vụ Prudential Ins. Co. Am. Vụ Kiện Hành Nghề Kinh Doanh Các Vụ Kiện Đại Lý, 148 F.3d 283, 306-07 (Tòa Lưu Động Vùng 3. 1998) (“Có nhiều bằng chứng chứng minh được là từng bên có tên đã phải chịu 'tổn hại thực tế'. . . . Do đó, các nguyên đơn có tên đã đáp ứng được quy định của Điều III. Các thành viên vắng mặt của tập thể không cần phải bày tỏ tương tự...”).

²⁴ *DG ex rel. Stricklin v. Devaughn*, 594 F.3d 1188, 1197-98 (Tòa Lưu Động Vùng 10. 2010) (“Thứ nhất, chỉ các nguyên đơn có tên trong vụ kiện tập thể muốn được bồi thường theo phán quyết mới phải chứng minh

Số 13-30095

Tòa Lưu Động Vùng Bảy, *Kohen v. Công ty Quản Lý Đầu Tư Pacific - Pacific Investment Management Co. LLC*, 571 F.3d 672, 677 (Tòa Lưu Động Vùng 7. 2009), “gần như không thể tránh khỏi” việc “một vụ kiện tập thể sẽ . . . bao gồm những người không bị tổn hại bởi hành vi của bên bị []... bởi khi bắt đầu vụ án có nhiều thành viên của tập thể không được biết đến, hoặc dù được biết đến thì sự thực về các lập luận yêu cầu bồi thường của họ lại chưa được xác định”. Tuy nhiên, theo *Kohen*, ngay cả việc “không thể tránh khỏi” này cũng không ngăn cản được vị thế tranh chấp như quy định tại Điều III trong giai đoạn áp dụng Quy Tắc 23.²⁵

Các quyết định xét xử khác không nhất thiết đã bỏ qua các thành viên vắng mặt của tập thể. Theo các quyết định này, tòa án phải đảm bảo rằng các thành viên vắng mặt của tập thể đều có vị thế tranh chấp theo quy định tại Điều III bằng cách xem xét định nghĩa về tập thể. Tuy vậy, quan trọng là phương pháp này hoặc không dự tính việc xem xét kỹ lưỡng hay việc cân nhắc bất kỳ bằng chứng nào chứng minh việc có hoặc thiếu vị thế tranh chấp của các thành viên vắng mặt của tập thể, trong giai đoạn áp dụng Quy Tắc 23. Công thức thẩm định vấn đề này được trích dẫn nhiều nhất được đề cập đến trong quyết định của Tòa Lưu Động Vùng Hai trong vụ *Denney v. Deutsche Bank AG*, 443 F.3d 253, 263-64 (Tòa Lưu Động Vùng 2. 2006): “Chúng tôi không yêu cầu mỗi thành viên của tập thể phải trình bằng chứng về vị thế tranh chấp cá nhân. Đồng thời không có vụ kiện tập thể nào được xác nhận mà trong đó các thành viên không có vị thế tranh chấp theo quy định tại Điều III. Do đó tập thể phải được định nghĩa theo cách mà tất cả mọi người trong tập thể đều có vị thế tranh chấp”.²⁶ Tòa Lưu Động Vùng Tám cũng đã áp dụng sự thẩm định này,²⁷ cũng như

vị thế tranh chấp bằng cách chứng minh họ đang phải chịu những tổn hại kéo dài hoặc chịu đe dọa cấp thiết sẽ bị tổn hại trong tương lai . . . ‘[Một] tập thể thường bao gồm những người chưa bị tổn hại do hành vi của bị đơn. . . Khả năng đó hoặc việc không thể tránh khỏi này không ngăn cản việc xác nhận tập thể’ (trích dẫn *Kohen*, 571 F.3d tại 677)).

²⁵ *Kohen*, 571 F.3d tr 677.

²⁶ *Denney*, 443 F.3d tại 263-64 (trích dẫn bỏ sót).

²⁷ *Avritt v. Reliastar Life Ins. Co.*, 615 F.3d 1023, 1034 (Tòa Lưu Động Vùng 8. 2010) (trích dẫn *Denney*, 443 F.3d tại 263-64).

Số 13-30095

các Tòa Lưu Động Vùng Bảy²⁸ và Vùng Chín,²⁹ bất chấp tuyên bố của cả hai tòa này trong các phán quyết khác mà các thành viên vắng mặt của tập thể không liên quan đến quá trình thẩm vấn theo Điều III.³⁰

Nếu vụ án này thực sự yêu cầu chúng tôi phải làm vậy, việc lựa chọn giữa thẩm định Kohen và thẩm định Denney quả không phải là nhiệm vụ dễ dàng khi mà thẩm quyền xét xử được phân chia gần như đều nhau.³¹ Một vấn đề nữa có lẽ cũng không rõ ràng là liệu tòa của chúng ta đã thông qua hay chưa thẩm định Kohen trong vụ Mims v. Stewart Title Guaranty Co., 590 F.3d 298 (Tòa Lưu Động Vùng 5. 2009). Trích dẫn vụ Kohen, chúng tôi đã nói rõ trong Mims rằng “[v]iệc xác nhận vụ kiện tập thể không chỉ đơn giản bị ngăn cản do tập thể đó có thể còn bao gồm cả những người không bị tổn hại do hành vi của bị đơn”.³² Mặc dù tuyên bố này được đưa ra khi phân tích Quy Tắc 23 chứ không phải là Điều III, nhưng chúng tôi cũng kết luận trong vụ Mims rằng “[k]hông có nghi ngờ nghiêm trọng nào về vị thế tranh chấp của nguyên đơn” sau khi đã phân tích rõ ràng chỉ “những nguyên đơn có tên”.³³

²⁸ *Adashunas v. Negley*, 626 F.2d 600, 603 (Tòa Lưu Động Vùng 7. 1980) (“Để đưa ra một vụ kiện tập thể đòi bồi thường, tối thiểu cần phải viện lý là có (1) một tập thể các nguyên đơn được xác định hợp lý, (2) là những người là nạn nhân của các vi phạm pháp luật hoặc hiến pháp (3) gây ra bởi các bị đơn.”).

²⁹ *Mazza v. Am. Honda Motor Co., Inc.*, 666 F.3d 581, 594 (Tòa Lưu Động Vùng 9 2012) (trích dẫn *Denney*, 443 F.3d tại 263-64).

³⁰ Xem *Kohen*, 571 F.3d tại 677; *Stearns*, 655 F.3d tại 1020-21.

³¹ Không có hướng dẫn cụ thể nào được đưa ra trong quyết định của Tòa Án Tối Cao liên quan đến các vấn đề của Điều III phát sinh do một thỏa thuận hòa giải tập thể, *Amchem Products, Inc. v. Windsor*, 521 U.S. 591, 612-13 (1997). Theo ngụ ý của Tòa Án Tối Cao trong vụ này, tòa án quận không thể phê duyệt một thỏa thuận hòa giải tập thể mà trong đó các thành viên chưa chứng minh được bất kỳ một vấn đề nào về sức khỏe sau khi họ tiếp xúc với chất amiăng. Nếu các yêu cầu bồi thường của các nguyên đơn “chỉ bị tiếp xúc” này không có cơ sở, theo ý kiến của Tòa Án Tối Cao, thì việc liên quan của họ trong vụ kiện tập thể sẽ không “phù hợp với các hạn chế của Điều III”. *Amchem*, 521 U.S. tại 612-13. Tuy nhiên, cuối cùng thì Tòa Án Tối Cao cũng không tiếp cận với vấn đề về sự phù hợp, bởi vụ kiện tập thể về chất amiăng đã thất bại dựa trên một truy vấn theo Quy Tắc 23 mà Tòa Án Tối Cao đã nhìn nhận là “có tính tiên đề theo logic trước bất kỳ vấn đề nào thuộc Điều III”. nt. Do đó cách thức mà Tòa Án Tối Cao có thể đã sẽ tiếp cận với vấn đề xác định sự phù hợp là không rõ ràng.

³² Xem *Mims*, 590 F.3d tại 308.

³³ Xem nt. tại 302.

Số 13-30095

Tuy vậy, ý kiến của Thẩm Phán Clement về *Deepwater Horizon I*, không đề cập đến *Mims*, phân biệt *Kohen* dựa trên những lập luận của nó, và thay vào đó là áp dụng *thẩm định Denney*.³⁴ Trong Phần II ý kiến của mình, mà Thẩm Phán Southwick không tham gia trong khi Thẩm Phán Dennis không đồng tình, Thẩm Phán Clement đã giải thích rằng vị thế tranh chấp của các thành viên vắng mặt của tập thể thực sự rất có liên quan đến thẩm quyền phán quyết đối với vụ kiện tập thể. Bà cũng đồng ý với *Denney* rằng vị thế tranh chấp của các thành viên vắng mặt của tập thể cần phải được đánh giá dựa trên việc tập thể được “định nghĩa” như thế nào và liệu các thành viên vắng mặt có “bị coi là” đã đưa ra yêu cầu bồi thường sai sự thật không.³⁵ Như Thẩm Phán Clement đã nhiều lần nhấn mạnh, khi một thành viên vắng mặt của tập thể “không thể chứng minh cho mối quan hệ nhân quả,” thì “các khiếu nại không xuyên tạc” của thành viên vắng mặt đó “không cấu thành nên các xung đột hoặc tranh luận theo Điều III”³⁶ Theo quan điểm của Thẩm Phán Clement, nếu các thành viên vắng mặt của tập thể bao gồm cả những người “thừa nhận” rằng họ không có bất kỳ “tổn hại nhân quả” nào, thì tòa án quận sẽ không có thẩm quyền để xác nhận vụ kiện tập thể.³⁷ Thẩm Phán Clement cũng thống nhất với *Denney* là Điều III không yêu cầu phải chỉ ra rằng thành viên vắng mặt “có thể *chứng minh cho* trường hợp của mình” trong giai đoạn áp dụng Quy Tắc 23, với điều kiện thành viên vắng mặt đó “có thể *viện lý* cho vị thế tranh chấp của mình.”³⁸

Tuy nhiên, vụ án này không phải là phương tiện để chúng ta lựa chọn liệu *Kohen* hay *Denney* đưa ra thẩm định đúng. Ngoài ra, vụ án này cũng không yêu cầu chúng ta phải quyết định liệu *Mims* đã thông qua sự thẩm định *Kohen* như là một vấn đề luật của Tòa Lưu Động Vùng Năm hay chưa. Theo như mục đích của vụ án này, các vấn đề này hoàn toàn

³⁴ Xem *Deepwater Horizon I*, 732 F.3d tại 340-42, 344 & n.12 (đề cập đến “vai trò tư pháp nhằm đảm bảo rằng các định nghĩa về vụ kiện tập thể đều tuân thủ với các quy định pháp lý và hiến pháp” (đã thêm nhấn mạnh)).

³⁵ nt. tại 340-42 (trích dẫn *Adashunas*, 626 F.2d tại 603, và *Denney*, 443 F.3d tại 263-64). Thẩm Phán Clement cũng thường xuyên trích dẫn sự bất đồng của Thẩm Phán Jordan trong vụ *Sullivan v. DB Investments, Inc.*, 667 F.3d 273, 346 (Tòa Lưu Động Vùng 3. 2011) (toàn thẩm) (*Jordan, J.*, bất đồng), đề xuất một quá trình thẩm định mà có thể áp dụng cho “khiếu nại tập thể đòi bồi thường” mà không cần quan tâm đến các bằng chứng bổ sung.

³⁶ *Deepwater Horizon I*, 732 F.3d tại 340-42.

³⁷ Xem nt. tại 343.

³⁸ nt. tại 340-42.

Số 13-30095

không thực tế bởi biện luận của BP về vị thế tranh chấp không đáp ứng được cả thẩm định *Kohen* và thẩm định *Denney*. Như giải thích trong phần sau, cả các nguyên đơn có tên và các thành viên vắng mặt mà định nghĩa vụ kiện tập theo dự tính, bao gồm chỉ những người và pháp nhân mà có thể biện luận về quan hệ nhân quả và tổn hại theo quy định của Điều III.

B.

Trước hết hãy xem xét thẩm định *Kohen* về vị thế tranh chấp, rõ ràng vụ kiện tập thể trong vụ án này đáp ứng được Điều III bởi các nguyên đơn có tên đã chứng minh được tổn hại thực tế, tính hệ quả do hành vi của bị đơn, và khả năng phục hồi nhờ có bồi thường theo yêu cầu.³⁹ Các nguyên đơn có tên đã đưa ra các luận chứng của họ để biện hộ có hiệu quả trong vụ án này, Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi cho các Tổn Thất Kinh Tế và Thiệt Hại Tài Sản Tư Nhân được trình tới tòa án quận ngày 02/05/2012.⁴⁰ Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi giải thích rằng “Các Nguyên Đơn là những cá nhân và/hoặc pháp nhân phải chịu các thiệt hại về kinh tế và tài sản do hệ quả của Sự Cố *Deepwater Horizon*.”⁴¹ Theo đó biên bản này nhận diện từng người trong số mười lăm nguyên đơn có tên, ghi rõ các chi tiết về mức độ mà từng người trong số họ phải chịu các thiệt hại về kinh tế do “không đủ nguồn cung hải sản để chế biến và kinh doanh”, “sự sụt giảm nghiêm trọng về lượng giao dịch khách du lịch”, sự giảm sút về “nhu cầu du lịch hàng hải”, “thua lỗ trong kinh doanh... nhà đất” và rất nhiều hình thức thiệt hại tài sản và tổn hại về kinh tế khác.⁴²

Từng người trong số những nguyên đơn có tên này đều đáp ứng được các yêu cầu về vị thế tranh chấp bằng cách chứng minh tổn hại thực tế là do hệ quả của sự cố tràn dầu và có thể phục hồi nếu được bồi thường tài chính. Theo thẩm định *Kohen*, đó là

³⁹ Xem *Kohen*, 571 F.3d tại 677.

⁴⁰ Xem *Sự Cố Tràn Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 902 (trích dẫn Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi (Lưu Tài liệu số 6412)).

⁴¹ Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi 6-13 (Lưu Tài liệu số 6412) (đã thêm nhấn mạnh).

⁴² nt.

Số 13-30095

kết thúc truy vấn. Như đã giải thích trong *Cole v. General Motors Corp.*, 484 F.3d 717 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2007), đề cập đến vị thế tranh chấp như quy định tại Điều III của các nguyên đơn có tên trong quá trình xác nhận vụ kiện tập thể theo Quy Tắc 23, chúng tôi xét thấy “vị thế tranh chấp này đủ điều kiện để các nguyên đơn có thể đòi được bồi thường cho thiệt hại kinh tế mà họ biện lý rằng họ phải gánh chịu”.⁴³ Tại giai đoạn áp dụng Quy Tắc 23, Cole cho rằng “một tòa án liên bang, trong tranh luận phải thừa nhận sự phù hợp của khiếu nại pháp lý của [từng nguyên đơn có tên]”.⁴⁴ Thật vậy, BP chưa bao giờ nói rằng bất kỳ ai trong số các nguyên đơn có tên thiếu vị thế tranh chấp như quy định tại Điều III. Do đó việc thẩm định Kohen được đáp ứng trong vụ án này là điều không phải bàn cãi.⁴⁵

Khi áp dụng thẩm định Denney vào định nghĩa vụ kiện tập thể để phục vụ cho quá trình xác nhận, chúng tôi cũng có kết luận tương tự. Định Nghĩa Tập Thể được nêu tại đoạn văn bản 306 của Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi và được sao chép hoàn toàn tại Phụ Lục B đính kèm phán quyết của tòa án quận. Theo các điều khoản của Định Nghĩa Tập Thể, một “cá nhân hoặc pháp nhân” chỉ được tham gia “vào Tập Thể Kinh Tế nếu Yêu Cầu Bồi Thường của họ đáp ứng được một hoặc nhiều Hình Thức Thiệt Hại như đề cập” tại Phần 1.3.1 của Định Nghĩa Tập Thể. Trong số “Các Hình Thức Thiệt Hại” này, hình thức thiệt hại duy nhất mà BP cho rằng đã làm nảy sinh rắc rối theo Điều III là “Hình Thức Thiệt Hại Kinh Tế” nêu tại Phần 1.3.1.2.⁴⁶ Tuy nhiên, phần này của Thỏa Thuận Hòa Giải, đã giới hạn rõ ràng các yêu cầu bồi thường ở mức dựa trên “[m]ất mát thu nhập, lợi tức hoặc lợi nhuận mà Pháp Nhân hoặc Cá Nhân Tự Nhiên phải chịu do SỰ CỐ TRẦN DẦU DEEPWATER HORIZON”, có ngoại lệ đối với những người tham gia vào các ngành nghề cụ thể.⁴⁷ Vì vậy, theo dự trù của Định Nghĩa Tập Thể, tập thể chỉ bao gồm

⁴³ Cole, 484 F.3d tại 723 (đã thêm nhấn mạnh).

⁴⁴ nt. (trích dẫn Parker v. Quận Columbia, 478 F.3d 370, 377 (Tòa Lưu Động Vùng D.C. 2007) (các dấu ngoặc kép và dấu trích dẫn đã được lược bỏ).

⁴⁵ Xem Kohen, 571 F.3d tại 677.

⁴⁶ Xem Sự Cố Trần Dầu, 910 F. Supp. 2d tại 965-67.

⁴⁷ nt. (đã thêm nhấn mạnh).

Số 13-30095

các pháp nhân và cá nhân có vị thế tranh chấp như quy định tại Điều III.

Ngay cả khi “định nghĩa” tập thể được diễn giải nhằm mục đích thẩm định *Denney* có thể bao gồm cả Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi, hơn là chỉ có các quy định được nêu tại đoạn văn bản 306, thì kết quả cũng không có sự khác biệt. Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi bao gồm nhiều luận chứng về các tổn hại của các thành viên vắng mặt của tập thể do hệ quả của sự cố tràn dầu. Ví dụ, các phần của Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi tập trung vào việc đáp ứng các yêu cầu của Quy Tắc 23(a) về số lượng nhiều, sự đa số và đặc trưng đều nhấn mạnh về mối quan hệ nhân quả và các thiệt hại thực tế của từng thành viên trong tập thể:

Tập Thể có hàng chục nghìn cá nhân và doanh nghiệp bị thiệt hại về mặt kinh tế do tràn dầu Yêu cầu bồi thường của mỗi thành viên trong Tập Thể đều xuất phát từ cùng quá trình lập kế hoạch, các quyết định, và các sự kiện giống nhau, và từng thành viên trong Tập Thể cũng sẽ đưa ra những biện luận tương đồng cả về mặt pháp lý lẫn thực tế để chứng minh về trách nhiệm và hành vi có tính gây tổn thương, cố ý, khinh suất, bừa bãi và vô cùng đáng trách của các Bị Đơn. . . .Yêu cầu bồi thường trong Khiếu Nại Tập Thể Tổng Thể Sửa Đổi Lần Hai này là đặc trưng cho các yêu cầu bồi thường của Tập Thể E&PD bởi chúng đại diện cho nhiều hình thức thiệt hại tài sản và tổn thất kinh tế phi chính phủ khác nhau do Sự Cố Tràn Dầu Deepwater Horizon gây ra.⁴⁸

Do đó, áp dụng công thức chuẩn mực của Thẩm Phán Clement, tập thể trong vụ án này không bao gồm bất kỳ thành viên nào “thừa nhận” rằng họ không phải chịu “tổn hại nhân quả.”⁴⁹ Theo đó đã kết thúc truy vấn theo Điều III khi áp dụng thẩm định *Denney* , trong đó “không yêu cầu từng thành viên của tập thể phải trình bằng chứng về vị thế tranh chấp cá nhân”⁵⁰ nếu mọi thành viên dự tính theo định nghĩa tập thể

⁴⁸ Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi 108-10 (Ghi chép Tài liệu số 6412).

⁴⁹ Deepwater Horizon I, 732 F.3d tại 343.

⁵⁰ *Denney*, 443 F.3d tại 263.

Số 13-30095

“có thể biện lý vị thế tranh chấp”.⁵¹

Quyết định của chúng tôi trong vụ Cole xác nhận rằng “chỉ cần các nguyên đơn nỗ lực phục hồi các thiệt hại về kinh tế mà họ biện lý rằng họ phải chịu là đủ cho mục đích của vị thế tranh chấp”, bởi đối với từng thành viên trong tập thể chúng tôi “trong quá trình tranh luận phải thừa nhận tính phù hợp của các yêu cầu bồi thường của họ” trong giai đoạn áp dụng Quy Tắc 23.⁵² Mặc dù Cole đề cập đến vị thế tranh chấp của các nguyên đơn có tên chứ không phải của các thành viên vắng mặt của tập thể, việc áp dụng chuẩn mực bằng chứng cao hơn đối với các thành viên vắng mặt của tập thể so với các nguyên đơn có tên là không hợp lý. Chúng tôi cũng đã đề cập trong vụ Rodriguez, 695 F.3d 360, 370 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2012), rằng các thành viên vắng mặt của tập thể được “kết nối” theo Quy Tắc 23 với “khiếu nại chung, và khả năng sẽ có một số người không thể thắng được yêu cầu bồi thường cá nhân của mình sẽ không làm ảnh hưởng đến tư cách thành viên trong tập thể”. Do đó, dù áp dụng thẩm định Kohen hay thẩm định Denney thì chúng tôi cũng nhận định rằng Điều III và Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc⁵³ đều được tuân thủ tại vụ án này.

⁵¹ *Deepwater Horizon I*, 732 F.3d tại 340-42.

⁵² *Cole*, 484 F.3d tại 721-23 (đã thêm nhấn mạnh) (trích dẫn *Parker*, 478 F.3d tại 377 (các dấu ngoặc kép và dấu trích dẫn bên trong đã được lược bỏ).

⁵³ Theo Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc, 28 U.S.C. § 2072(b), “[Q]uy Định Liên Bang về Tố Tụng Dân Sự không thể đóng vai trò là luật pháp độc lập”. *Klier v. Elf Atochem N. Am., Inc.*, 658 F.3d 468, 474 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2011). Trong vụ án này, luật pháp độc lập không phải là Quy Tắc 23 và cũng không phải là Quy Định Liên Bang về Tố Tụng Dân Sự, mà chính là OPA và luật hàng hải liên bang, theo đó các nguyên đơn có tên đã đưa ra nhiều yêu cầu bồi thường khác nhau trong Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi. Mặc dù đã có một số tham chiếu tới Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc trong một số biên bản tóm tắt bổ sung, nhưng cả BP và Bên Chống Án cũng chưa bao giờ tranh luận về điểm cơ bản này. Vì lẽ đó mà Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc không bị vi phạm. Xem *Shady Grove Orthopedic Assocs., P.A. v. Allstate Ins. Co.*, 559 U.S. 393, 406-08 (2010) (ý kiến đa số) (“Một vụ kiện tập thể, tương tự như một liên hợp truyền thống (mà vụ kiện tập thể là một hình thái), chỉ đơn thuần cho phép tòa án liên bang giải quyết đồng thời các yêu cầu bồi thường của nhiều bên thay vì chia ra thành các vụ kiện riêng lẻ. Và cũng giống như một liên hợp truyền thống, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của các bên sẽ được bảo toàn và các quy định về quyết định sẽ được giữ nguyên.”); *nt.* tại 431-36 (Stevens, J., đồng thuận một phần và đồng thuận với phán quyết) (đồng ý rằng Quy Tắc 23 không vi phạm Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc với điều kiện không luật pháp tiểu bang độc lập nào bị bác bỏ trong vụ án tập thể); *Sullivan v. DB Invs., Inc.*, 667 F.3d 273, 312-13 (Tòa Lưu Động Vùng 3 2011) (toàn thẩm) (kết luận rằng việc tòa án quận “phê duyệt thoả thuận hòa giải của các bên không được xem là sự ghi nhận hoặc mở rộng các quyền quan trọng “theo Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc.

Số 13-30095

C.

Để kết luận cho phân tích này, chúng tôi xin lưu ý về khả năng việc áp dụng chuẩn mực bằng chứng nghiêm ngặt hơn có thể sẽ giúp phát hiện các cá nhân hoặc pháp nhân mà đã nhận được bồi thường theo quy định tại Mục 4B và 4C nhưng thực tế lại không phải chịu bất kỳ thiệt hại nào từ sự cố tràn dầu. Tuy nhiên các tòa án lại không có thẩm quyền áp dụng chuẩn mực đó tại giai đoạn thực thi Quy Tắc 23. Theo *Lujan* và *Lewis*, tất nhiên đây chính xác là điều mà thẩm phán quận phải làm khi phán quyết sơ lược và cũng là những gì mà cán bộ điều tra thực tế phải làm tại phiên xử án.⁵⁴ Mặc dù chưa bao giờ nói rõ ràng nhưng BP cũng hàm ý rằng chúng tôi cũng cần phải giải quyết các vấn đề của Điều III trong giai đoạn thực thi Quy Tắc 23 bằng cách xem xét các bằng chứng về vị thế tranh chấp của những người khiếu nại tiềm năng. Theo đó, BP đã trích dẫn các bằng chứng - đặc biệt là hàng loạt các khai báo của các nhà kinh tế học như Henry H. Fishkind, A. Mitchell Polinsky, J. Richard Dietrich, và Hal Sider. Các khai báo của các nhà kinh tế học này, theo quan điểm của BP, cho thấy rằng Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã tiến hành thanh toán bồi thường theo diễn giải của anh ta về Mục 4B và 4C cho các cá nhân và pháp nhân mà có khả năng là không bị tổn hại do sự cố *Deepwater Horizon*. Trong lần kháng án này, các tài liệu đệ trình của BP là không rõ ràng về việc BP yêu cầu chúng tôi xem xét bằng chứng này bằng cách áp dụng tiêu chuẩn phán quyết sơ lược hay áp dụng tiêu chuẩn bằng chứng ưu thế. Cuối cùng thì chúng tôi không thể áp dụng tiêu chuẩn nào trong vụ này.

Đối với bằng chứng mà BP đưa ra về vị thế tranh chấp của những người khiếu nại, chúng tôi nhấn mạnh hai điểm. Thứ nhất, và rõ ràng nhất, tòa án quận đã không xem xét bất kỳ bằng chứng nào trước ngày 21/12/2012, là thời điểm mà tòa án quận đã xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thoả thuận hòa giải.⁵⁵ Các nội dung trích dẫn khai báo của các nhà kinh tế học đã được đệ trình

⁵⁴ *Lewis v. Casey*, 518 U.S. tại 358 (trích dẫn *Lujan*, 504 U.S. tại 560-61).

⁵⁵ Trong hồ sơ cũng có một bức thư điện tử của Thẩm Phán Barbier ghi rõ về “cuộc thảo luận” diễn ra ngày 12/12/2012 trong đó xác nhận “Luật Sư của BP và

Số 13-30095

tới tòa án quận vào ngày 20/03/2013, trong đó không có nội dung khai báo nào được đề ngày trước ngày 15/01/2013. Mặc dù vị thế tranh chấp là vấn đề mang tính tài phán, “các cơ sở lập luận được phát hiện rõ ràng hoặc hàm ý bởi tòa án quận” trong quá trình “thực hiện điều tra tài phán” đều phải được chấp nhận tại phiên kháng án trừ trường hợp rõ ràng sai phạm.⁵⁶ Ngoài ra, theo luật áp dụng của tòa lưu động này, “tòa phúc thẩm có thể không xem xét bằng chứng mới xuất hiện lần đầu tiên tại phiên kháng án và cũng có thể không tiếp nhận các cơ sở lập luận mà trước đó không xuất hiện tại tòa án quận tại thời điểm phán quyết.”⁵⁷ Do vậy mà chúng tôi không thể xem xét các khai báo của các nhà kinh tế học do BP cung cấp cũng như không thể đưa ra bất kỳ kết luận nào dựa trên các khai báo đó.

Thứ Hai, BP cũng không trích dẫn về bất kỳ thẩm quyền nào - và chúng tôi cũng không biết - mà cho phép truy vấn bằng chứng về vị thế tranh chấp theo Điều III của các thành viên vắng mặt của tập thể trong quá trình xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thoả thuận hòa giải theo Quy Tắc 23. Đúng là tòa án quận có thể “điều tra kín về các biện hộ” khi nhận định một trường hợp cụ thể có đáp ứng các yêu cầu của Quy Tắc 23 hay không, ví dụ như về số lượng, tính phổ biến, tính đặc trưng và đầy đủ.⁵⁸ Tuy nhiên Tòa Án Tối Cao đã cảnh báo trong vụ *Amgen Inc. v. Quỳ Tín Thác & Kế Hoạch Hưu Trí Connecticut*, 133 S. Ct. 1184, 1194-95 (2013), rằng “Quy Tắc 23 không cho phép các tòa án tham gia truy vấn tùy nghi về sự phù hợp trong giai đoạn xác nhận. Các vấn đề về sự phù hợp có thể

và PSC đồng ý với phân tích khách quan của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường về mối quan hệ nhân quả liên quan đến đánh giá của anh ta về các yêu cầu bồi thường thiệt hại kinh tế”, như đã nêu trong Thông Báo Chính Sách thứ hai. Xem Khai Báo của Andrew T. Karron, Ex. 19-V (Ghi chép Tài liệu số 8963-75). Nhưng không bên nào nói rằng các khai báo của chuyên gia mà đã được đệ trình tới tòa án này đã được xem xét bởi Thẩm Phán Barbier trong quá trình “thảo luận” hoặc bất kỳ thời điểm nào trước đó. Trên thực tế, cho dù BP và các nguyên đơn có tên vẫn thống nhất với Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường vào ngày đó thì có vẻ như là các khai báo của chuyên gia đã không được chia sẻ với Thẩm Phán Barbier.

⁵⁶ *Cole*, 484 F.3d tại 721; *Pederson v. La. State Univ.*, 213 F.3d 858, 869 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2000).

⁵⁷ *Quesada*, 701 F.3d tại 1084 n.9; *Ramchandani*, 434 F.3d tại 339 n.1; *Theriot*, 185 F.3d tại 491 n.26.

⁵⁸ *Wal-Mart Stores, Inc. v. Dukes*, 131 S. Ct. 2541, 2551 (2011) (trích dẫn *Gen. Tel. Co. of Sw. v. Falcon*, 457 U.S. 147, 160 (1982)).

Số 13-30095

được xem xét ở mức độ - và chỉ dừng lại ở mức độ đó - mà họ có liên quan đến việc nhận định liệu các điều kiện tiên quyết của Quy Tắc 23 về xác nhận vụ kiện tập thể có được đáp ứng hay không”.

Cơ quan có thẩm quyền xét xử liên quan đã xác nhận sự không phù hợp trong việc xem xét bằng chứng về vị thế tranh chấp của các thành viên vắng mặt của tập thể trong giai đoạn thực thi Quy Tắc 23. *Mims* và *Kohen* chỉ ra rằng bằng chứng đó đơn giản là không liên quan, bởi “[x]ác nhận vụ kiện tập thể không bị ngăn cản chỉ do tập thể có thể bao gồm cả những người không hề bị tổn hại do hành vi của bị đơn”.⁵⁹ *Theo Denney* và ý kiến của Thẩm Phán Clement trong vụ *Deepwater Horizon I*, trên phương diện của họ, cũng “không yêu cầu từng thành viên trong một tập thể phải trình bằng chứng về vị thế tranh chấp cá nhân của mình”⁶⁰ với điều kiện là tập thể được định nghĩa theo cách mà tất cả thành viên vắng mặt của tập thể “có thể *biện lý* vị thế tranh chấp”.⁶¹ Quyết định trước đây của chúng tôi trong vụ *Cole* xác nhận rằng việc tìm kiếm bằng chứng về những tổn hại vượt quá phạm vi mà những người khiếu nại được định nghĩa tập thể có thể “*biện lý rằng* là họ đã phải chịu” trong giai đoạn này là không phù hợp.⁶² Do đó, mặc cho sự thuyết phục từ phía BP, thậm chí tòa án quận cũng không thể xem xét bằng chứng liên quan đến vị thế tranh chấp của các cá nhân vắng mặt trong vụ kiện tập thể trong giai đoạn thực thi Quy Tắc 23.

Tất nhiên, nếu tập thể trong vụ án này đã được xác nhận theo Quy Tắc 23 để tiến hành điều tra thêm về sự phù hợp thay vì hòa giải, tòa án quận có thể đã có lý do để áp dụng tiêu chuẩn bằng chứng nghiêm ngặt hơn. Như tòa án quận đã nói rõ ràng là “các vấn đề nhân quả cụ thể... phải được quyết định tùy theo từng cá nhân nếu các trường hợp đó chưa được giải quyết”, bao gồm “ví dụ, mức độ mà sự cố *Deepwater Horizon* so với

⁵⁹ Xem *Mims*, 590 F.3d tại 302, 308.

⁶⁰ *Denney*, 443 F.3d tại 263-64.

⁶¹ *Deepwater Horizon I*, 732 F.3d tại 340-42.

⁶² Xem *Cole*, 484 F.3d tại 721-23 (đã thêm nhấn mạnh) (trích dẫn *Parker*, 478 F.3d tại 377 (các dấu ngoặc kép và dấu trích dẫn đã được lược bỏ)).

Số 13-30095

các yếu tố khác đã làm giảm thu nhập của cá nhân hoặc doanh nghiệp.”⁶³ Ngay từ ngày 06/10/2010, tòa án quận đã dự liệu rằng “các vấn đề liên quan đến thiệt hại” có thể và sẽ được “tách ra và xét xử riêng biệt” với các vấn đề khác liên quan đến trách nhiệm,⁶⁴ theo đúng luật xét xử trước đó của tòa án này⁶⁵ và Quy Tắc 23(c)(4).⁶⁶ Trong các nội dung trình tới tòa án quận, BP cũng đã đề cập đến khả năng sẽ có “phiên tòa điều tra thiệt hại kinh tế” và “giải trình bằng chứng và trách nhiệm tương đối”.⁶⁷ Các quy trình đó sẽ giúp cho BP có cơ hội được điều tra sâu hơn về bằng chứng vị thế tranh chấp theo Điều III của các cá nhân khiếu nại dựa trên tiêu chuẩn bằng chứng áp dụng được đề cập trong Lujan và Lewis.⁶⁸ Tuy vậy, nếu không có đề nghị phán quyết sơ lược hoặc tổ chức phiên tòa về vị thế tranh chấp như quy định tại Điều III của các thành viên vắng mặt của tập thể, thì việc tòa án áp dụng các tiêu chuẩn bằng chứng cho các giai đoạn sau của vụ kiện sẽ là quá sớm và không phù hợp.

Thực tế thì sẽ không có ý nghĩa gì nếu tòa án yêu cầu bằng chứng về các yêu cầu bồi thường của một bên khi mà bản thân các bên đang tìm kiếm thỏa thuận hòa giải theo Quy Tắc 23(e). Về mặt logic, việc yêu cầu các thành viên vắng mặt của tập thể phải chứng minh cho các yêu cầu bồi thường của mình trước khi được hòa giải theo Quy Tắc 23(e) sẽ dẫn đến việc không cần phải thực hiện hòa giải nữa bởi khi đó vấn đề đã được chứng minh. Quy định đó sẽ

⁶³ *Sự Cố Trần Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 924.

⁶⁴ Phán Quyết Định Ngày ngày 06/10/2010, tại 3 (Ghi chép Tài liệu số 473).

⁶⁵ Tòa án này trước đó “đã phê duyệt các vụ kiện vi phạm dân sự tập thể hoặc sai phạm số đông khi tòa án quận có thể dựa vào một kế hoạch xét xử hợp lý - bao gồm cả việc chia tách” “các vấn đề trách nhiệm xuyên suốt vụ kiện tập thể” và các vấn đề thiệt hại cá nhân”. *Ban Điều Hành. v. Exxon Mobil Corp.*, 461 F.3d 598, 603 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2006) (phân tích *Watson v. Shell Oil Co.*, 979 F.2d 1014, 1017-18, 1024 & n.9 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1992)).

⁶⁶ Xem *Butler v. Sears, Roebuck & Co.*, 727 F.3d 796, 800 (Tòa Lưu Động Vùng 7. 2013) (“[M]ột vụ kiện tập thể giới hạn ở việc xác định trách nhiệm dựa trên cơ sở cho toàn tập thể, có các phiên điều trần riêng để xác định - nếu trách nhiệm đã được xác minh - thiệt hại của cá nhân các thành viên tập thể, hoặc là nhóm các thành viên tập thể có cùng đặc điểm, là được phép theo Quy Tắc 23(c)(4) và thường là phương thức giải quyết phù hợp”).

⁶⁷ Defs.’ Biên Bản ghi Nhớ ngày 06/10/2010, tại 6, 8 (Ghi chép Tài liệu số 488).

⁶⁸ *Lewis*, 518 U.S. tại 358 (trích dẫn *Lujan*, 504 U.S. tại 560-61)

Số 13-30095

gây cản trở “lợi ích quần chúng trong việc hòa giải” mà chúng tôi đã ghi nhận “[c]ụ thể trong các vụ kiện tập thể”.⁶⁹ Tính hợp pháp của các thoả thuận hòa giải tập thể được phản ánh không chỉ trong Quy Tắc 23(e) mà còn thông qua chế độ đặc biệt mà Quốc Hội đã xây dựng nhằm kiểm soát các thoả thuận hòa giải tập thể tại mục 28 U.S.C. §§ 1711-15. Thông qua cơ chế thủ tục của thoả thuận hòa giải tập thể, các bị đơn “có quyền giải quyết các yêu cầu bồi thường dờ dang trên cơ sở cho cả tập thể ngay cả khi tòa án cho rằng các yêu cầu đó là không phù hợp, với điều kiện vụ kiện tập thể đã được xác nhận phù hợp theo Quy Tắc 23(a) và (b) và thoả thuận hòa giải là công bằng theo Quy Tắc 23(e).”⁷⁰ Bằng cách tham gia vào thoả thuận hòa giải cho cả tập thể, các bị đơn “được[] giải phóng khỏi tất cả những người có ý định đòi bồi thường, dù là phù hợp hay không” và tự bảo vệ bản thân khỏi các “nguyên đơn có các yêu cầu bồi thường không phù hợp [những người] mà tuy vậy vẫn khởi kiện.”⁷¹

Mặt khác, như vậy không phải để nói rằng Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường phải chiều theo biện lý của các thành viên vắng mặt của tập thể giống như khi chúng tôi áp dụng khi giải quyết các vấn đề thuộc Điều III trong giai đoạn thực thi Quy Tắc 23. Lẽ tự nhiên, Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường không bắt buộc phải áp dụng thẩm định Denney hoặc thẩm định Kohen nhưng phải tuân thủ tất cả các hướng dẫn được nêu trong Mục 4B, Mục 4C và các điều khoản khác trong Thoả Thuận Hoà Giải chi tiết của các bên. Đồng thuận với trường hợp Deepwater Horizon I, Thẩm Phán Southwick đã nhận xét ngắn gọn rằng Mục 4B và 4C đã tạo ra một khung chuẩn mực về bằng chứng nhằm “đơn giả[n] hóa quy trình yêu cầu bồi thường bằng cách coi bằng chứng về sự tổn thất

⁶⁹ *Kincade v. Gen. Tire & Rubber Co.*, 635 F.2d 501, 507 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1981) (trích dẫn *Cotton v. Hinton*, 559 F.2d 1326, 1331 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1977)); xem *Smith v. Crystian*, 91 F. App'x 952, 955 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2004) (công nhận “chính sách tư pháp vững chắc ưu tiên việc giải quyết các tranh chấp thông qua hòa giải” và phê chuẩn cả xác nhận vụ kiện tập thể lẫn phê duyệt thoả thuận hòa giải (các dấu ngoặc kép và dấu trích dẫn đã được lược bỏ)).

⁷⁰ Trong vụ *Am. Int'l Grp., Inc. Sec. Litig.*, 689 F.3d 229, 243-44 (Tòa Lưu Động Vùng 2 2012).

⁷¹ *Sullivan*, 667 F.3d tại 310.

Số 13-30095

là sự thay thế cho bằng chứng nhân quả thực tế”.⁷² Các bên hiện đang tranh cãi kịch liệt về việc khung tiêu chuẩn bằng chứng này sẽ có hiệu quả như thế nào. Về phần mình, BP biện luận trong các tài liệu đệ trình sau đó tới ban hội thẩm Deepwater Horizon I rằng “Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường phải xác định liệu tổn thất của người yêu cầu bồi thường có phải là do hệ quả của sự cố tràn dầu hay không” và rằng theo ghi chú 1 của Mục 4B “việc xác định này phải được thực hiện trước khi áp dụng tiêu chí nhân quả được nêu ra tại Mục 4B”. Các nguyên đơn có tên lại có quan điểm khác.

Tuy nhiên, tiêu chuẩn bằng chứng được áp dụng bởi Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường không phải là vấn đề liên quan đến vị thế tranh chấp thuộc Điều III. Thực chất vấn đề ở đây là diễn giải Thỏa Thuận Hòa Giải và áp dụng cho từng yêu cầu bồi thường của cá nhân, và chúng tôi không được yêu cầu phải giải quyết các vấn đề đó trong phiên kháng án này.

IV.

Giờ chúng tôi chuyển sang xem xét các tranh luận liên quan đến Quy Tắc 23 được đưa ra bởi BP, Bên Chống Án Allpar, Bên Chống Án Cobb và Bên Chống Án BCA. Về Quy Tắc 23, BP và Bên Chống Án Allpar có những biện luận gần như nhau. Họ phản đối xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thoả thuận hòa giải theo nhiều điều khoản của Quy Tắc 23 dựa trên những giả thuyết giống nhau như đã đề cập trên đây trong bối cảnh của Điều III - rằng tập thể không thể được xác nhận khi mà nó bao gồm cả những người thực sự không hề bị tổn hại. Bên Chống Án Cobb cũng đã đồng ý với các biện luận của BP theo tham chiếu và chỉ bổ sung duy nhất một biện luận. Theo quan điểm của Bên Chống Án Cobb, các nguyên đơn có tên đã không đại diện thích đáng cho tập thể theo Quy Tắc 23(a)(4) bởi không có bất kỳ tập thể nhỏ nào được hình thành để đại diện cho người dân của các bang khác nhau, đặc biệt là người dân bang Texas, cũng như không có bất kỳ tập thể nhỏ nào được hình thành để đại diện cho những người yêu cầu bồi thường tiềm năng mà

⁷² *Deepwater Horizon I*, 732 F.3d tại 346 (Southwick, J., đồng ý với Phần I và III của ý kiến đa số).

Số 13-30095

lẽ ra những người này đã “được tốt hơn khi áp dụng quy trình yêu cầu bồi thường GCCF”. Như được giải thích dưới đây, các ý kiến phản đối của Bên Chống Án Allpar, Bên Chống Án Cobb và BP là không phù hợp.

Về phần họ, Bên Chống Án BCA — tự gọi mình theo cách này bởi họ được đại diện bởi Brent Coon & Associates—là trong số 12.970 đối tượng chống án mà “đã không tuân thủ các yêu cầu của Phán Quyết Phê Duyệt Sơ Bộ do không thể cung cấp bằng chứng văn bản về tư cách thành viên trong vụ kiện tập thể của mình và, do đó, tự làm mất hiệu lực sự phản đối của họ”.⁷³ Phán Quyết Phê Duyệt Sơ Bộ của tòa án quận ghi rằng các thành viên của vụ kiện tập thể muốn phản đối Thỏa Thuận Hòa Giải phải gửi văn bản phản đối trước ngày 31/08/2012, và trong đó phải cung cấp “bằng chứng văn bản về tư cách thành viên tập thể” của họ, “ví dụ như bằng chứng về nơi ở, quyền sở hữu tài sản và vị trí của tài sản, và/hoặc hoạt động kinh doanh và vị trí của hoạt động đó”.⁷⁴ Theo như hồ sơ, sự phản đối của Bên Chống Án BCA đã được trình đúng hạn nhưng không đầy đủ. Trong nội dung đệ trình có hàng nghìn tên của những người yêu cầu bồi thường được liệt kê theo dạng biểu đồ, dài tới hơn 150 trang nhưng lại thiếu bằng chứng của họ về nơi ở, quyền sở hữu tài sản hoặc hoạt động kinh doanh.⁷⁵

Ngày 07/11/2012, một đêm trước phiên điều trần công bằng và hai tháng sau kỳ hạn trình văn bản phản đối, Bên Chống Án BCA đã trình Kiến Nghị Ưu Đãi để được Nộp Biên Bản Phản Hồi Muộn và Vượt Quá Số Trang

⁷³ Xem *Sự Cố Trần Dân*, 910 F. Supp. 2d tại 936 (trích Báo Cáo Chống Án và các Quyết Định Không Tham Gia Thỏa Thuận Hòa Giải Thiệt Hại Tài Sản và Kinh Tế được Sửa Đổi ngày 02/05/2012 (Ghi chép Tài liệu số 8001)).

⁷⁴ *nt.* tại 935-36 (đã lược bỏ các dấu ngoặc kép).

⁷⁵ Xem *nt.* (trích Báo Cáo Chống Án và các Quyết Định Không Tham Gia Thỏa Thuận Hòa Giải Thiệt Hại Tài Sản và Kinh Tế được Sửa Đổi ngày 02/05/2012 (Ghi chép Tài liệu số 8001)); cũng xem Báo Cáo Chống Án và các Quyết Định Không Tham Gia Thỏa Thuận Hòa Giải Thiệt Hại Tài Sản và Kinh Tế được Sửa Đổi ngày 02/05/2012, Ex. L, tại 3-538 (Ghi chép Tài liệu số 8001-18) (xác định từng người trong số 11.245 người chống án được đại diện bởi Brent Coon & Associates là thiếu “Bằng Chứng Vị Thế Tranh Chấp”); Các Nguyên Đơn do Brent Coon & Associates’ Kiến Nghị Phản Đối Thỏa Thuận Hòa Giải Kinh Tế trong Vụ Kiện Tập Thể, Ex. 1 (Ghi chép Tài liệu số 7224-2).

Số 13-30095

Giới Hạn Theo Lệ Thường. Ngày 08/11/2012 - buổi sáng hôm diễn ra phiên điều trần công bằng - tòa án quận đã ra phán quyết ghi rõ tài liệu đệ trình này là không kịp thời. Kết quả là, theo phán quyết của tòa án quận ngày 21/12/2012, các phản đối của các Bên Chống Án BCA đối với xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thoả thuận hòa giải đều bị từ chối và bác bỏ. Trong thông báo kháng án gửi tới tòa án này, Bên Chống Án BCA một lần nữa đã thêm vào một danh sách dài với hàng nghìn tên được liệt kê theo thứ tự bảng chữ cái trên sơ đồ, tuy nhiên không hề có bất kỳ bằng chứng văn bản nào về nơi ở, quyền sở hữu tài sản hoặc hoạt động kinh doanh.

Chỉ đạo của tòa án quận trong việc phải cung cấp bằng chứng về tư cách thành viên trong vụ kiện tập thể là hoàn toàn hợp pháp theo Quy Tắc 23(d)(1)(A) và Quy Tắc 23(d)(1)(C) để “ban hành phán quyết trong đó. . . xác định tiến trình của vụ kiện” và “áp đặt các điều kiện... lên những đối tượng can thiệp” trong vụ kiện tập thể. Như Tòa Án Tối Cao đã ghi nhận trong vụ *Gulf Oil Co. v. Bernard*, 452 U.S. 89 (1981), tòa án quận chủ trì vụ kiện tập thể “vừa có nghĩa vụ lại vừa có thẩm quyền” ra các phán quyết như vậy nhằm giảm thiểu “rủi ro lạm dụng” trong suốt quá trình vụ kiện.⁷⁶ Mặc dù thẩm quyền của tòa án quận theo Quy Tắc 23(d) “không phải là không có giới hạn”,⁷⁷ tuy nhiên tòa án quận rõ ràng là đã hành động trong phạm vi thẩm quyền của mình trong việc phát hiện ra rằng Bên Chống Án BCA đã tự làm mất hiệu lực các phản đối của mình do không tuân thủ các yêu cầu chính đáng của Phán Quyết Phê Duyệt Sơ Bộ. Ngoài ra, trong một vụ án chưa được công bố với các cơ sở lập luận tương đương, *Feder v. Electronic Data Systems Corp.*, 248 F. App'x 579, 580 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2007), chúng tôi đã bác bỏ kháng án ra khỏi phán quyết của tòa án quận về việc xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thoả thuận hòa giải dựa trên

⁷⁶ *Gulf Oil Co.*, 452 U.S. tại 100; xem thêm *Moulton v. U.S. Steel Corp.*, 581 F.3d 344, 353 (Tòa Lưu Động Vùng 6 2009) (“Quy Tắc 23 cho phép tòa án quận có thẩm quyền xử lý các vụ kiện tập thể, ủy quyền “phán quyết trong đó . . . áp đặt các điều kiện lên các bên đại diện hoặc các đối tượng can thiệp”) (nội dung gốc đã có sự thay đổi); *Williams v. Chartwell Fin. Servs., Ltd.*, 204 F.3d 748, 759 (Tòa Lưu Động Vùng 7 2000).

⁷⁷ *Gulf Oil Co.*, 452 U.S. tại 100.

Số 13-30095

việc bên chống án đã không thể “chứng minh được tư cách thành viên của mình trong tập thể” theo đúng yêu cầu về văn bản phù hợp của tòa án quận. Chúng tôi không thấy có sự khác biệt có ý nghĩa nào giữa vụ án này và cơ sở lập luận trong vụ Feder. Như chúng tôi đã giải thích trong vụ Feder, “quyền phản đối thỏa thuận hòa giải trong... vụ kiện tập thể không phải chỉ phụ thuộc vào việc xác nhận đơn thuận” theo đề nghị của Bên Chống Án BCA.⁷⁸

Do đó, vì Bên Chống Án BCA đã không chứng minh được tư cách thành viên của mình trong tập thể này, tòa án quận đã không lạm dụng thẩm quyền của mình theo Quy Tắc 23(d)(1)(A) và Quy Tắc 23(d)(1)(C) trong việc nhận định rằng Bên Chống Án BCA “đã tự làm mất hiệu lực” các phản đối của họ đối với kết quả xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thỏa thuận hòa giải.⁷⁹ Như vậy chúng tôi sẽ không xem xét sự phù hợp của các phản đối này.

Trong các còn lại, chúng tôi đề cập đến các tranh luận của BP, Bên Chống Án Allpar và Bên Chống Án Cobb liên quan đến các điều khoản riêng biệt của Quy Tắc 23.

A.

BP, Bên Chống Án Allpar và (theo tham chiếu) Bên Chống Án Cobb đều đã phản đối kết quả xác nhận vụ kiện tập thể theo Quy Tắc 23(a)(2), trong đó yêu cầu phải chứng minh rằng “có nghi vấn về pháp lý hoặc cơ sở lập luận chung của tập thể”. Các tranh luận này hoàn toàn dựa trên sự trích dẫn có chọn lọc từ vụ Wal-Mart Stores, Inc. v. Dukes, 131 S. Ct. 2541 (2011), và phải bị bác bỏ. Theo tuyên bố của Tòa Án Tối Cao trong vụ Wal-Mart, “tiêu chí [đ]a số yêu cầu nguyên đơn phải chứng minh được rằng các thành viên của tập thể “đã phải chịu các tổn hại giống nhau”.⁸⁰ Chỉ với nội dung này, người ta giờ đây cho rằng sự đa dạng về tổn hại kinh tế của các thành viên tập thể

⁷⁸ Xem *Feder*, 248 F. App'x tại 581; xem thêm *Union Asset Mgmt. Holding A.G. v. Dell, Inc.*, 669 F.3d 632, 639 (Tòa Lưu Động Vòng 5 2012) (có nghĩa là bên chống án có quyền được phản đối cụ thể bởi họ đã “tuân thủ” các yêu cầu của thông báo hòa giải).

⁷⁹ Xem *Sự Cố Trần Dân*, 910 F. Supp. 2d tại 936.

⁸⁰ *Wal-Mart*, 131 S. Ct. tại 2551 (trích dẫn *Gen. Tel. Co. of Sw. v. Falcon*, 457 U.S. 147, 157 (1982)).

Số 13-30095

hoặc sự có mặt của cả những thành viên “không hề bị tổn hại nào” có cản trở việc xác nhận vụ kiện tập thể.

Tuy nhiên khi được trích dẫn đầy đủ, đoạn văn có liên quan từ vụ *Wal-Mart* đã chứng minh tại sao cả hai biện luận này đều không phù hợp:

Tiêu chí đa số yêu cầu nguyên đơn phải chứng minh được rằng các thành viên của vụ kiện tập thể “đã phải chịu các tổn hại giống nhau”. Điều này không chỉ đơn thuần có nghĩa rằng tất cả họ đã phải chịu cùng một vi phạm đối với cùng một điều luật. Ví dụ, Mục VII có thể bị vi phạm theo nhiều hình thức - phân biệt đối xử có chủ ý, hoặc thông qua các tiêu chí tuyển dụng và thăng chức mà dẫn đến những tác động khác nhau, hoặc bằng cách áp dụng các quy định này cho các vị trí cấp cao trong cùng một công ty. Rõ ràng là, khiếu nại đơn thuần của người lao động trong cùng một công ty rằng họ đã phải chịu tổn hại theo Mục VII, hoặc thậm chí là tổn hại theo Mục VII có tác động đa dạng, không phải là cái cơ để tin rằng tất cả khiếu nại của họ có thể được tranh tụng ngay lập tức. Các khiếu nại của họ phải phụ thuộc vào một luận điểm chung - ví dụ, xác nhận có phân biệt đối xử từ cùng một người giám sát. Luận điểm chung đó, hơn nữa, phải có tính chất đảm bảo giải quyết được cho cả tập thể - tức là việc xác định luận điểm đó là đúng hay sai sẽ giải quyết ngay được vấn đề trung tâm về tính hợp lệ của từng yêu cầu bồi thường.⁸¹

Như đoạn văn này chỉ rõ, việc Tòa Án Tối Cao sử dụng cụm từ “tổn hại giống nhau” trong vụ *Wal-Mart* (và nhiều thập kỷ trước trong vụ *General Telephone Co. of Southwest v. Falcon*, 457 U.S. 147, 157 (1982)) không ủng hộ biện luận của BP. Để đáp ứng yêu cầu về tiêu chí đa số theo Quy Tắc 23(a)(2), các thành viên tập thể phải đưa ra tối thiểu một luận điểm mà có thể quyết định đến tính hợp lệ của khiếu nại của mỗi thành viên tập thể. Tuy nhiên luận điểm này không cần phải liên quan cụ thể đến những thành phần thiệt hại trong yêu cầu bồi thường của các thành viên tập thể. Kể cả chỉ một

⁸¹ *Wal-Mart*, 131 S. Ct. tại 2551 (đã lược bỏ trích dẫn) (trích dẫn *Falcon*, 457 U.S. tại 157).

Số 13-30095

hành vi gây tổn hại, mà thường sẽ liên quan trực tiếp đến trách nhiệm của bị đơn nhiều hơn là các thiệt hại của người yêu cầu bồi thường, cũng có thể cấu thành nên “tổn hại giống nhau”. Điều này được xác nhận thông qua ví dụ được đưa ra bởi Tòa Án Tối Cao trong đoạn trên từ vụ Wal-Mart, “phân biệt đối xử từ cùng một người giám sát”, chỉ rõ đây không phải là một hình thức thiệt hại, mà là một hành vi gây tổn hại vi phạm Mục VII. Về sau cũng trong phán quyết đó, Tòa Án Tối Cao đã nói rằng một loại hành vi gây tổn hại khác từ phía bị đơn, “chính sách trả lương và thăng chức có tính phân biệt đối xử trên toàn công ty”, lẽ ra cũng sẽ phải phù hợp với thẩm định “tổn hại giống nhau” theo Quy Tắc 23(a)(2).⁸²

Do đó, như hai ví dụ này từ vụ Wal-Mart đã chứng minh, yêu cầu pháp lý về việc các thành viên của vụ kiện tập thể đều đã phải “chịu tổn hại giống nhau” có thể được thỏa mãn thông qua một ví dụ về hành vi gây tổn hại của bị đơn, ngay cả khi hậu quả tổn hại sau đó - những thiệt hại - là không giống nhau. Vì lẽ đó mà khía cạnh này của luật pháp là không đổi kể từ khi chúng tôi có phán quyết trong vụ Bertulli v. Hiệp Hội Phi Công Lục Địa Độc Lập, 242 F.3d 290, 298 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2001), trong đó chúng tôi đã ủng hộ kết quả xác nhận vụ kiện tập thể bởi “gần như là tất cả các vấn đề trước khi xảy ra thiệt hại đều [là] một vấn đề chung”. Như chúng tôi đã đề cập đến trong vụ M.D. ex rel. Stukenberg v. Perry, 675 F.3d 832, 840 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2012), yêu cầu chủ yếu trong vụ Wal-Mart đơn thuần là một luận điểm chung duy nhất cho phép vụ kiện tập thể “có được các câu trả lời chung phù hợp để đưa ra giải pháp cho vụ kiện này”. Những “câu trả lời chung” này có thể thực sự liên quan đến các hệ quả tổn hại xảy đến với cho các thành viên của tập thể, nhưng cũng có thể liên quan đến cả hành vi gây tổn hại của bị đơn. “[T]hậm chí chỉ một câu hỏi chung duy nhất cũng sẽ có hiệu quả”.⁸³

Đoạn trên đây từ vụ Wal-Mart cũng chứng minh rằng các tòa án quận không vi phạm khi không xác nhận trong quá trình thực thi Quy Tắc 23 cho dù

⁸² *nt.* tại 2556.

⁸³ *nt.* (đã lược bỏ các dấu ngoặc kép bên trong và các sửa đổi).

Số 13-30095

các thành viên của vụ kiện tập thể bao gồm cả những cá nhân và pháp nhân “không hề bị bất kỳ một tổn hại nào”. Như giải thích của Tòa Án Tối Cao, “luận điểm” về tổn hại của các thành viên trong vụ kiện tập thể là đủ để thỏa mãn Quy Tắc 23, với điều kiện là bên cần có xác nhận có thể chỉ ra rằng luận điểm này là “chung” cho tất cả các thành viên của vụ kiện tập thể, “có tính quyết định” tới sự hợp lệ của các yêu cầu bồi thường của họ và “có thể” giải quyết được vụ kiện tập thể. Không cần phải giải quyết tính phù hợp của luận điểm chung trong giai đoạn thực thi Quy Tắc 23 hoặc cũng không cần phải sớm nỗ lực “xác định đúng hay sai”.⁸⁴ Mặc dù Quy Tắc 23 “không quy định về chuẩn mực biện hộ đơn thuần” và tòa án có thể cần phải “điều tra kín về các biện hộ trước khi tập trung vào việc xác nhận,”⁸⁵ nhưng Quy Tắc 23 không phải là thước đo cho sự phù hợp.⁸⁶ Như Tòa Án Tối Cao đã nhắc lại lần cuối trong vụ *Amgen*, các vấn đề về [s]ự phù hợp có thể được xem xét ở mức độ - và chỉ dừng lại ở mức độ đó - mà họ có liên quan đến việc nhận định liệu các điều kiện tiên quyết của Quy Tắc 23 về xác nhận vụ kiện tập thể có được đáp ứng hay không”.⁸⁷ Nói cách khác, để thỏa mãn yêu cầu về tiêu chí đa số theo Quy Tắc 23(a)(2), các bên cần phải cung cấp bằng chứng để chứng minh rằng luận điểm cụ thể nào đó là luận điểm chung, chứ không cần chứng minh luận điểm đó là đúng.

Xác nhận về vụ kiện tập thể này của tòa án quận do đó không vi phạm Quy Tắc 23(a)(2). Sau khi xem xét bằng chứng chuyên môn, tòa án quận nhận định rằng có nhiều vấn đề thực tế và pháp lý có thể quyết định đến tính hợp lệ của các yêu cầu bồi thường của tất cả thành viên trong vụ kiện tập thể. Các vấn đề này bao gồm “[l]iệu BP có sự biện hộ thay thế hợp lệ hay không”, “liệu BP có sử dụng thiết kế giếng dầu không phù hợp làm gia tăng rủi ro hay không”, “[l]iệu hỗn hợp xi măng có không ổn định hay không, và nếu như vậy thì liệu BP có ngăn chặn việc sử dụng hỗn hợp này hay không”, “[l]iệu BP có

⁸⁴ Xem nt. tại 2551.

⁸⁵ Xem nt. (trích dẫn *Falcon*, 457 U.S. tại 160).

⁸⁶ Trong vụ *Whirlpool Corp. Front-Loading Washer Prods. Liab. Litig.*, 722 F.3d 838, 851-52 (Tòa Lưu Động Vùng 6 2013); *Messner v. Northshore Univ. HealthSys.*, 669 F.3d 802, 811 (Tòa Lưu Động Vùng 7. 2012).

⁸⁷ *Amgen*, 133 S. Ct. tại 1195.

Số 13-30095

thực hiện các bước phù hợp và kịp thời để ngăn chặn việc thải chất hydrocacbon từ giếng hay không”, “liệu các quyết định này (cá nhân hoặc tập thể) có cấu thành nên sự lơ là hoặc các hành vi sai phạm có chủ ý hay không”, “[l]iệu BP có phải là người có trách nhiệm theo quy định OPA hay không”, “[l]iệu BP có thể giới hạn trách nhiệm của mình theo khoản § 2704 của OPA hay không”, “[l]iệu các thiệt hại nặng nề có liên quan đến pháp luật hay không” và liệu BP có “thất bại trong việc giảm thiểu các thiệt hại của tập thể hay không”.⁸⁸ Cả BP và các Bên Chống Án khác đều không thể tìm thấy bất kỳ sai sót nào liên quan đến các hạng mục có trong danh sách dài các vấn đề chung của tòa án quận. Bởi vì “thậm chí chỉ cần một câu hỏi chung duy nhất cũng sẽ có hiệu lực” theo vụ Wal-Mart, nên danh sách này còn nhiều hơn cả mức cần thiết.⁸⁹

Do đó, các biện luận về tiêu chí đa số của BP, Bên Chống Án Allpar và Bên Chống Án Cobb đều không yêu cầu phải hủy xác nhận vụ kiện tập thể. Mặc dù tất cả các câu hỏi thực tế và pháp lý được xác định bởi tòa án quận liên quan đến hành vi gây tổn hại của BP nhiều hơn là đến các hệ quả tổn hại mà các thành viên của tập thể phải chịu, nhưng các câu hỏi đó cũng đã chứng minh được rằng các thành viên của tập thể đã khiếu nại là họ đã phải chịu các “tổn hại giống nhau” với cùng ý nghĩa của cụm từ này trong vụ Wal-Mart.⁹⁰ Ngoài ra, tòa án quận đã không sai khi không xác định liệu vụ kiện tập thể có bao gồm những cá nhân mà thực tế không gặp phải bất kỳ tổn hại nào, việc đó sẽ dẫn đến việc xác định tính đúng hay sai trong các luận điểm của các bên, chứ không phải đi đánh giá tiêu chí đa số trong các luận điểm đó. Vấn đề này không được yêu cầu theo Wal-Mart và cũng được loại bỏ rõ ràng trong vụ Amgen.⁹¹ Do đó chúng tôi bác bỏ các phản đối của BP, Bên Chống Án Allpar và Bên Chống Án Cobb theo Quy Tắc 23(a)(2).⁹²

⁸⁸ *Sự Cố Trần Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 922-23.

⁸⁹ Xem *Wal-Mart*, 131 S. Ct. tại 2556 (đã lược bỏ các thay đổi và dấu ngoặc kép).

⁹⁰ *nt.* at 2551 (trích dẫn *Falcon*, 457 U.S. tại 157).

⁹¹ *Amgen*, 133 S. Ct. tại 1194-95.

⁹² Ở ghi chú dài một câu trong bản tóm lược ban đầu của mình, BP đã bổ sung rằng “khiếu nại của các bên đại diện không còn là khiếu nại đặc trưng của cả tập thể” dựa trên sự diễn giải của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường và đã hướng sự chú ý của chúng tôi đến các tuyên bố của Tòa Án Tối Cao.

Số 13-30095

B.

BP và Các Bên Chống Án cũng phản đối kết quả xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thoả thuận hòa giải theo Quy Tắc 23(a)(4), trong đó yêu cầu phải chứng minh rằng “các bên đại diện sẽ bảo vệ công bằng và đầy đủ lợi ích của tập thể”. Theo biện luận này, một “xung đột trong tập thể” bị cấm đã phát sinh theo giải trình của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường về Mục 4B và 4C, vì những người yêu cầu bồi thường giờ bao gồm cả những cá nhân và pháp nhân đã phải chịu tổn hại, và cả những cá nhân và pháp nhân không phải chịu tổn hại. Như đã được giải trình, BP cho rằng, Thỏa Thuận Hòa Giải “gần như đã khiến tình hình của các thành viên bị tổn hại trở nên tồi tệ hơn so với khi các thành viên không bị tổn hại đã bị loại trừ ra khỏi vụ kiện tập thể”. Theo BP, nếu các thành viên bị tổn hại trong tập thể được đại diện bởi các nguyên đơn có tên để đàm phán chỉ đại diện cho họ, họ đã có thể sử dụng quyền thương thảo cao hơn trong quá trình đàm phán hòa giải để yêu cầu phải có một công thức tính toán tiền bồi thường có nhiều quyền lợi hơn.

Tuy nhiên, tòa án quận phải được ủng hộ trừ trường hợp quyết định của tòa án cấu thành nên hành vi lạm dụng thẩm quyền. Trong vụ án này, tòa án quận nhận thấy rằng các nguyên đơn có tên là “rõ ràng phù hợp” với việc bảo vệ quyền lợi của tập thể bởi họ đã bao gồm “các cá nhân và doanh nghiệp xác nhận về từng loại thiệt hại”

mà “[c]ác yêu cầu về tiêu chí đa số và đặc trưng của Quy Tắc 23(a) có xu hướng hợp nhất”. Xem *Wal-Mart*, 131 S. Ct. tại 2551 n.5 (nội dung gốc có thay đổi) (đã lược bỏ các dấu ngoặc kép bên trong). Bên Chống Án Allpar cũng đã không phân biệt được dưới bất kỳ hình thức nào giữa các tranh luận về tiêu chí đa số của họ theo Quy Tắc 23(a)(2) và các tranh luận về tiêu chí đặc trưng của họ theo Quy Tắc 23(a)(3). Tới mức độ mà các tham chiếu tới “tính đặc trưng” của BP và Bên Chống Án Allpar cấu thành nên một tranh luận riêng biệt theo Quy Tắc 23(a)(3), tranh luận đó sẽ bị bác bỏ. Cũng các lý do tương tự được đưa ra liên quan đến tranh luận về tiêu chí đa số của họ, cả BP và Bên Chống Án Allpar đều không chứng minh được rằng tòa án quận đã lạm dụng thẩm quyền của mình trong việc nhận định “[t]iêu chí đặc trưng đã được thỏa mãn khi các đại diện của vụ kiện tập thể - giống như tất cả các thành viên của vụ kiện tập thể - chứng minh được các thiệt hại về kinh tế và/hoặc tài sản là do hệ quả trực tiếp của sự cố tràn dầu *Deepwater Horizon* “. *Sự Cố Tràn Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 915.

Số 13-30095

và được hỗ trợ bởi luật sư có năng lực.⁹³ Sau khi xem xét khai báo của từng nguyên đơn có tên, tòa án quận nhận định rằng họ đã “tham gia vào các cuộc đàm phán hòa giải” và đảm nhận “vai trò tích cực trong việc khởi tố vụ kiện tập thể này”.⁹⁴ Sau khi đánh giá lời khai của chuyên gia, tòa án quận cũng đã cho rằng vụ kiện tập thể được xây dựng nhằm đảm bảo đại diện đầy đủ tất cả các lợi ích trong tập thể và ngăn chặn các xung đột nội bộ. Cuối cùng, tòa án quận đã kết luận rằng “bồi thường không có hạn mức” khả dụng theo Thỏa Thuận Hòa Giải sẽ “đảm bảo rằng lợi ích được trả cho một thành viên của tập thể sẽ không làm giảm hoặc gây ảnh hưởng đến lợi ích của thành viên khác”.⁹⁵

Mặc dù BP không phản đối phán quyết của tòa án quận về việc đã xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt Thỏa Thuận Hòa Giải nhưng BP đã yêu cầu tòa án này phải nhận biết được sự xung đột về lợi ích trong nội bộ tập thể bởi trong số những người yêu cầu bồi thường có cả những cá nhân và pháp nhân không hề bị tổn hại. Để hỗ trợ cho luận chứng này, BP đã gửi cho chúng tôi hàng loạt các khai báo của các nhà kinh tế học mà chưa hề được trình tới tòa án quận khi vụ kiện tập thể được xác nhận. Tuy nhiên, các quyết định trước đây của chúng tôi đã khiến chúng tôi không thể xem xét được bằng chứng này lần đầu khi có kháng án.⁹⁶ Ngoài ra, ngay cả khi chúng tôi chấp nhận luận điểm của BP về việc tập thể bao gồm cả những người không bị tổn hại, thì theo Mims và Rodriguez cũng sẽ buộc kết thúc việc bác bỏ vụ kiện tập thể. Như chúng tôi đã trình bày trong trường hợp của Mims xét trong bối cảnh các yêu cầu của Quy Tắc 23, “[v]iệc xác nhận vụ kiện tập thể không chỉ đơn thuần bị ngăn cản bởi vụ kiện tập thể có thể bao gồm cả những người không hề bị tổn hại bởi

⁹³ *Sự Cố Trần Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 916-17.

⁹⁴ *nt.* tại 916 (trích dẫn *Stott v. Capital Fin. Servs., Inc.*, 277 F.R.D. 316, 325 (N.D. Tex. 2011)).

⁹⁵ *nt.* tại 918.

⁹⁶ *Quesada*, 701 F.3d tại 1084 n.9; *Ramchandani*, 434 F.3d tại 339 n.1; *Theriot*, 185 F.3d tại 491 n.26.

Số 13-30095

hành vi của bị đơn”.⁹⁷ Như được nêu trong vụ Rodriguez, “khả năng một số [thành viên vắng mặt của tập thể] không thể thắng được các yêu cầu bồi thường cá nhân của mình sẽ không gây ảnh hưởng gì đến tư cách thành viên tập thể”.⁹⁸

Ngược lại, chúng tôi có thể xem xét ý kiến mà Bên Chống Án Cobb đã đưa ra theo Quy Tắc 23(a)(4) và đã được thông qua bởi tòa án quận. Bên Chống Án Cobb cho rằng “các thành viên của tập thể từ Texas, Louisiana, Alabama, Florida và Mississippi” lẽ ra nên được phân chia thành các tập thể nhỏ bởi như thế các thành viên của tập thể đó sẽ “đạt được lợi ích tốt hơn khi áp dụng quy trình yêu cầu bồi thường GCCF”.

Mặc dù việc tạo ra các vụ kiện tập thể nhỏ đôi khi là cần thiết theo Quy Tắc 23(a)(4) nhằm tránh “xung đột cơ bản”, nhưng cũng không cần thiết phải phân chia thành các vụ kiện tập thể nhỏ như vậy mới có thể đảm bảo được cho tất cả các “lợi ích có trọng lượng khác nhau”.⁹⁹ Trong vụ án này, do khiếu nại của các thành viên tập thể phát sinh dựa trên luật pháp liên bang chứ không phải dựa trên luật pháp tiểu bang, nên chúng tôi không bị thuyết phục là đã có xung đột cơ bản giữa “các lợi ích có trọng lượng khác nhau” của các thành viên trong tập thể đến từ các vùng địa lý khác nhau. Mặc dù các tiêu chí về địa lý đã được xem xét trong Thỏa Thuận Hòa Giải, lý do cho việc này vừa rõ ràng vừa được thừa nhận trong bản báo cáo tóm tắt của Bên Chống Án Cobb. Đó là, “quan hệ nhân quả trở nên khó

⁹⁷ *Mims*, 590 F.3d tại 308.

⁹⁸ *Rodriguez*, 695 F.3d tại 370 (đã lược bỏ các dấu ngoặc kép).

⁹⁹ *Dewey v. Volkswagen Aktiengesellschaft*, 681 F.3d 170, 186 (Tòa Lưu Động Vùng 3 2012) (trích dẫn *Gooch v. Life Investors Ins. Co. of Am.*, 672 F.3d 402, 429 (Tòa Lưu Động Vùng 6 2012)); xem thêm Trong vụ *Literary Works in Elec. Databases Copyright Litig.*, 654 F.3d 242, 249 (Tòa Lưu Động Vùng 2 2011); *Ward v. Dixie Nat'l Life Ins. Co.*, 595 F.3d 164, 180 (Tòa Lưu Động Vùng 4 2010) (“Để xung đột lợi ích có thể làm hủy bỏ yêu cầu phù hợp, xung đột đó phải là xung đột cơ bản”. (đã lược bỏ các dấu ngoặc kép)); *Rodriguez v. W. Publ'g Corp.*, 563 F.3d 948, 959 (Tòa Lưu Động Vùng 9 2009) (“Không có xung đột lợi ích quan trọng giữa các nguyên đơn có tên và luật sư của họ với các thành viên khác trong tập thể chính là điều quan trọng quyết định đến sự phù hợp. . . .” (đã thêm tô đậm)); *Valley Drug Co. v. Geneva Pharms., Inc.*, 350 F.3d 1181, 1189 (Tòa Lưu Động Vùng 11 2003) (“Quan trọng là, nếu chỉ tồn tại các xung đột thứ yếu thì không thể làm hủy bỏ yêu cầu bồi thường của bất kỳ bên nào đối với việc xác nhận vụ kiện tập thể: xung đột phải là xung đột “cơ bản” liên quan đến các vấn đề cụ thể đang được đưa ra tranh luận”).

Số 13-30095

thiết lập hơn” với người yêu cầu bồi thường khi họ “càng di chuyển xa vùng bờ biển” và, cụ thể là, “càng di chuyển xa vùng trữ lượng Macondo nơi sự cố *Deepwater Horizon* đã xảy ra.

Như tòa án quận đã phát hiện, sự khác biệt giữa các công thức được áp dụng tại các vùng địa lý khác nhau “có mối liên quan chừng mực tới sự phù hợp và sự vững chắc của các yêu cầu bồi thường có những đặc điểm tương tự nhau”.¹⁰⁰ Do đó việc nhận biết được các tiêu chí khách quan mang tính địa lý dễ dàng làm phân biệt vụ án này với *Vụ Kiện Vi Phạm tại Kênh Đào Katrina*, 628 F.3d 185, 194 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2010), trong đó tòa án quận đã phê duyệt không phù hợp kết quả hòa giải của vụ kiện tập thể, từ đó gây khó khăn trong việc giao tiếp công bằng từ tòa án tới người phụ trách đặc biệt, mà không hề làm rõ hơn làm thế nào để có thể đạt được sự công bằng”. Tòa án quận đã xem xét kỹ lưỡng bằng chứng của chuyên gia, từ đó chứng minh được rằng tòa án đã không lạm dụng thẩm quyền của mình trong việc hủy yêu cầu phân chia thành các tập thể nhỏ đối với những người yêu cầu bồi thường tại Texas, Louisiana, Alabama, Florida và Mississippi.

Chúng tôi cũng phải bác bỏ các ý kiến của Bên Chống Án Cobb cho rằng đang tồn tại xung đột vụ nội bộ giữa các thành viên của tập thể, những người mà “có được lợi ích tốt hơn khi áp dụng quy trình yêu cầu bồi thường GCCF” và những người không được như thế. Quan trọng nhất, Bên Chống Án Cobb đã không thể cung cấp bất kỳ chi tiết nào về nguyên nhân của những bất lợi hiện tại của những người yêu cầu bồi thường này. Trong báo cáo của họ, Bên Chống Án Cobb đã nhiều lần lặp đi lặp lại rằng một số người yêu cầu bồi thường hiện đang “bị buộc phải đáp ứng các chuẩn thiệt hại và phục hồi tùy tiện” theo Thỏa Thuận Hòa Giải, trong khi những người yêu cầu bồi thường này rõ ràng là đã có thể phục hồi theo quy trình GCCF mà không cần phải hành động như vậy. Tuy nhiên, sau khi xem xét các ý kiến của chuyên gia, tòa án quận đã biết rõ rằng các tiêu chí bồi thường của Thỏa Thuận Hòa Giải không

¹⁰⁰ Xem *Sự Cố Trần Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 917-18.

Số 13-30095

hệ tùy tiện mà “chi tiết” và “khách quan”.¹⁰¹ Trong các ý kiến tranh luận của Bên Chống Án Cobb, không có nội dung nào chứng minh được rằng các kết luận của tòa án quận về vấn đề này có dấu hiệu của sự lạm dụng thẩm quyền. Cuối cùng, ngay cả khi một số người yêu cầu bồi thường có bị bất lợi thực tế do sự tác động của các quy trình yêu cầu bồi thường có sự kiểm soát của tòa án so với các quy trình của GCCF thì sự khác nhau có tính cơ học này cũng chỉ là một ví dụ khác về “các lợi ích có trọng lượng khác nhau” hơn là “sự xung đột cơ bản” về lợi ích.¹⁰² Theo như kết quả của Tòa Lưu Động Vùng Sáu và Vùng Ba, “từng thành viên của vụ kiện tập thể đều nhận được các lượng tiền ích khác nhau từ kết quả hòa giải tập thể” tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể của mỗi người, tuy nhiên điều này không khiến cho các thành viên của tập thể đó bị rơi vào tình trạng xung đột cơ bản với nhau.¹⁰³ Nếu không có bản mô tả chi tiết hơn về các bất lợi mà nhóm thành viên này, được cho là “có lợi ích tốt hơn” khi áp dụng GCCF, phải chịu thì chúng tôi không thể đồng ý với Bên Chống Án Cobb về việc sự phê duyệt vụ kiện tập thể của tòa án quận là kết quả của hành vi lạm dụng thẩm quyền.

C.

BP và Các Bên Chống Án cũng lập luận rằng việc xác nhận vụ kiện tập thể là không phù hợp theo Quy Tắc 23(b)(3), trong đó yêu cầu “các vấn đề về luật hoặc cơ sở lý luận chung đối với các thành viên của vụ kiện tập thể phải chiếm ưu thế so với các vấn đề mà chỉ tác động đến các thành viên cá nhân”. Theo BP và Các Bên Chống Án, quyết định mới đây của Tòa Án Tối Cao trong vụ *Comcast Corp. v. Behrend*, 133 S. Ct. 1426 (2013)—được đưa ra ba tháng sau khi tòa án quận xác nhận vụ kiện tập thể - ngăn cản việc xác nhận theo Quy Tắc 23(b)(3) trong tất cả các trường hợp khi mà thiệt hại của các thành viên trong tập thể không dễ để có thể đạt được theo công thức tính toán cho cả tập thể.

Tuy nhiên, đây là sự hiểu nhầm về vụ *Comcast*, và đã bị

¹⁰¹ *Id.*

¹⁰² *Dewey*, 681 F.3d tại 186 (trích dẫn *Gooch*, 672 F.3d tại 429).

¹⁰³ *Xem nt.*

Số 13-30095

bác bỏ bởi ba tòa lưu động khác.¹⁰⁴ Như được giải trình chi tiết hơn dưới đây, Comcast cho rằng tòa án quận sai phạm khi đưa ra quyết định theo Quy Tắc 23(b)(3) về công thức tính toán thiệt hại cho cả tập thể mỗi khi các thiệt hại được tính toán bởi công thức đó không tương xứng với nguyên lý trách nhiệm của vụ kiện tập thể. Tòa án giải thích rằng “[b]ước đầu tiên trong nghiên cứu thiệt hại chính là kết hợp lý thuyết pháp lý của sự kiện có hại với việc phân tích ảnh hưởng kinh tế của sự kiện đó”.¹⁰⁵ Nguyên tắc này có thể giúp phát hiện những khiếm khuyết quan trọng của nhiều công thức tính toán thiệt hại trong vụ kiện tập thể. Tuy nhiên, trong vụ Comcast thì không hề có nội dung nào hướng đến việc xây dựng công thức tính toán thiệt hại tập thể cho tất cả các trường hợp. Do đó, thậm chí sau vụ Comcast, vấn đề này không hề tác động đến bất kỳ trường hợp nào, ví dụ như trường hợp hiện tại mà trong đó sự ưu thế không phụ thuộc vào các vấn đề thiệt hại chung mà phụ thuộc vào nhiều vấn đề trách nhiệm chung. Ở trường hợp hiện tại, tòa án quận không tích hợp công thức tính toán thiệt hại trong vụ kiện tập thể vào danh sách tăng cường “các vấn đề chung” hỗ trợ cho việc xác nhận. Tòa án quận luôn thừa nhận rằng các thiệt hại của các thành viên trong tập thể “sẽ phải được quyết định tùy theo từng cá nhân là những trường hợp đang không được giải quyết”, tương tự “phạm vi mức độ mà theo đó sự cố Deepwater Horizon so với các yếu tố khác đã làm giảm thu nhập của cá nhân hoặc doanh nghiệp”.¹⁰⁶ Do đó mà ý kiến này của Comcast, được trích dẫn bởi BP và Bên Chống Án, không được áp dụng ở đây.

Như được nhắc lại trên đây, tòa án quận đã đưa ra một danh sách đáng kể các vấn đề phổ biến đối với tất cả các thành viên của vụ kiện tập thể. Hầu hết các vấn đề này đều liên quan đến hoặc là các vấn đề thực tế phức tạp xoay quanh sự tham gia của BP vào công tác thiết kế giếng, khai thác, hút dầu và vệ sinh

¹⁰⁴ Xem *Butler*, 727 F.3d tại 800; *Trong vụ Whirlpool Corp.*, 722 F.3d tại 860; *Leyva v. Medline Indus. Inc.*, 716 F.3d 510, 514 (Tòa Lưu Động Vùng 9 2013).

¹⁰⁵ *Comcast Corp. v. Behrend*, 133 S. Ct. 1426, 1435 (2013) (trích dẫn FED. JUDICIAL CTR., REFERENCE MANUAL ON SCIENTIFIC EVIDENCE 432 (3D ED. 2011) (đã lược bỏ tô đậm).

¹⁰⁶ *Sự Cố Tràn Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 924.

Số 13-30095

hoặc là các vấn đề pháp lý không chắc chắn xung quanh việc giải trình và áp dụng OPA. Theo đó, BP và Các Bên Chống Án đã đúng khi cho rằng, mặc dù phân tích về hành vi gây tổn hại của BP đã làm gia tăng các vấn đề chung nhưng công tác tính toán thiệt hại của các thành viên của vụ kiện tập thể cũng đã làm tăng đáng kể các vấn đề cá nhân mà không thể giúp giải quyết được vụ kiện tập thể.

Nhưng đây không phải là bất lợi lớn đối với việc xác nhận vụ kiện tập thể. Nhưng chúng tôi đã nêu trong trường hợp của *Bell Atlantic Corp. v. AT&T Corp.*, 339 F.3d 294, 306 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2003), “[t]hậm chí sự khác biệt lớn về mức độ thiệt hại trong số các thành viên của vụ kiện tập thể” không làm ngăn cản việc xác nhận vụ kiện tập thể “và các tòa án, do đó, đã xác nhận các vụ kiện tập thể dựa trên nhu cầu tính toán thiệt hại tùy theo cá nhân”. Do vậy, nhưng chúng tôi đã thừa nhận trong *Ban Điều Hành v. Exxon Mobil Corp.*, 461 F.3d 598, 603 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2006), “việc thỏa mãn các yêu cầu về sự ưu thế... theo Quy Tắc 23(b)(3) trong vụ kiện tập thể do tai nạn hàng loạt hoặc do sai phạm hàng loạt” là hoàn toàn có thể mặc dù trong các trường hợp đó đều phát sinh nhu cầu tính toán thiệt hại tùy theo từng cá nhân. Trên cơ sở này, chúng tôi trước đó đã phê chuẩn việc xác nhận vụ kiện tập thể trong các trường hợp tai nạn hàng loạt,¹⁰⁷ giống như trong các trường hợp khác khi mà “hầu như tất cả các vấn đề xảy ra trước khi phát sinh thiệt hại đều là vấn đề chung”.¹⁰⁸

Cụ thể, nhưng chúng tôi đã giải thích trong trường hợp của *Madison v. Chalmette Refining, L.L.C.*, 637 F.3d 551, 556 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2011), sự ưu thế có thể được đảm bảo trong trường hợp tai nạn hàng loạt khi tòa án quận tiến hành “phân tích kỹ lưỡng” đầy đủ về các cách thức mà theo đó các vấn đề chung và cá nhân sẽ được phân chia và xét xử. Trong nhiều Phiên Xử Lưu Động, vấn đề này đã được giải quyết thông qua các phiên tòa nhiều giai đoạn theo Quy Tắc 23(c)(4), trong đó cho phép các tòa án quận chỉ xử lý vụ kiện tập thể

¹⁰⁷ Xem *Ban Điều Hành*, 461 F.3d tại 603 (phân tích *Watson v. Shell Oil Co.*, 979 F.2d 1014, 1022-23 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1992)).

¹⁰⁸ *Bertulli*, 242 F.3d tại 298.

Số 13-30095

ở các “vấn đề cụ thể” và giữ lại các vấn đề khác để phục vụ cho quá trình xác định cá nhân.¹⁰⁹ Do đó Chalmette Refining đã chỉ đạo các tòa án quận phải xem xét cẩn thận làm thế nào để họ có thể lên kế hoạch cho việc “xử lý các vấn đề chung của vụ kiện tập thể ngay ở giai đoạn đầu tiên và sau đó là xử lý đến các vấn đề cá nhân ở các giai đoạn khác” của phiên tòa nhiều giai đoạn trước khi có được quyết định cuối cùng về việc xác nhận vụ kiện tập thể.¹¹⁰

Theo ý kiến của chúng tôi trong trường hợp Chalmette Refining, tòa án quận đã lên kế hoạch “quản lý vụ kiện đó bằng cách chia thành từng giai đoạn riêng biệt do [tòa án quận] đã được chuẩn bị để thực hiện trước khi các bên đạt được sự hòa giải”.¹¹¹ Ngay từ đầu của vụ kiện, tòa án quận đã tiên đoán rằng “các vấn đề liên quan đến thiệt hại” sẽ “được chia nhỏ và giải quyết riêng biệt” khỏi các vấn đề liên quan đến trách nhiệm.¹¹² Do đó các giai đoạn đầu của vụ kiện này sẽ tập trung vào các vấn đề chung, bao gồm cả vấn đề mà các bị đơn phải chịu trách nhiệm cho sự cố nổ giếng, có bao nhiêu lượng dầu đã chảy ra ngoài bể chứa Macondo, ai là người phải chịu trách nhiệm khi các bị đơn không thể hãm dòng sớm hơn, dầu sẽ chảy đến đâu, và các nỗ lực làm phân tán dầu được tiến hành như thế nào.¹¹³ “[D]o không có Hòa Giải”, nên tòa án quận sau đó đã phải quyết định trong các giai đoạn sau đó về việc làm thế nào để “bên chịu trách nhiệm phải có trách nhiệm bồi thường” theo OPA.¹¹⁴

Do đó, tòa án quận biết rất rõ rằng các thiệt hại của các thành viên trong tập thể “sẽ phải được quyết định tùy theo từng cá nhân là những trường hợp đang không được giải quyết”, tương tự “phạm vi mức độ mà theo đó sự cố Deepwater Horizon

¹⁰⁹ *Butler*, 727 F.3d tại 800; *Trong vụ Whirlpool Corp.*, 722 F.3d tại 860; *Leyva*, 716 F.3d tại 514.

¹¹⁰ *Chalmette Ref.*, 637 F.3d tại 556.

¹¹¹ *Sự Cố Tràn Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 932.

¹¹² Phán Quyết Định Ngày 06/10/2010, tại 3 (Ghi chép Tài liệu số 473).

¹¹³ *Sự Cố Tràn Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 921-23.

¹¹⁴ *nt.* tại 924.

Số 13-30095

so với các yếu tố khác đã làm giảm thu nhập của cá nhân hoặc doanh nghiệp”.¹¹⁵ Cho nên tòa án quận đã không đề cập đến việc tính toán các thiệt hại của người yêu cầu bồi thường trong danh mục các vấn đề chung về cơ sở lý luận” hoặc trong danh mục “các vấn đề chung về pháp lý”.¹¹⁶ Tuy nhiên thậm chí nếu không có cách thức chung để tính toán các thiệt hại thì, theo quan điểm của tòa án quận, các vấn đề chung này sẽ chiếm ưu thế so với các vấn đề đặc thù của người yêu cầu bồi thường là cá nhân. Như tòa án quận đã giải thích “[c]ơ cấu thử nghiệm theo giai đoạn do Tòa án chỉ định trước khi các bên đạt được thỏa thuận hòa giải đã phản ánh tầm quan trọng then chốt của các vấn đề chung trong vụ án này”.¹¹⁷

Dựa trên kết luận này thì tòa án quận đã không lạm dụng thẩm quyền của mình. Phiên tòa theo giai đoạn xử lý các vấn đề chung trong vụ án này sẽ chắc chắn đảm bảo không lặp đi lặp lại quá trình kiện tụng liên quan đến các vấn đề chung này của từng người yêu cầu bồi thường là cá nhân trong số hàng nghìn vụ kiện tụng khác nhau. Theo hướng dẫn của chúng tôi trong vụ *Chalmette Refining*, tòa án quận cũng đã phân tích kỹ lưỡng cách thức sẽ giải quyết “các vấn đề chung của vụ kiện tập thể trong giai đoạn đầu tiên” và “các vấn đề cá nhân trong các giai đoạn sau”.¹¹⁸ Theo yêu cầu của *Amchem Products, Inc. v. Windsor*, 521 U.S. 591, 615 (1997), vụ kiện tập thể này sẽ “tiết kiệm được thời gian công sức và chi phí, đồng thời thúc đẩy . . . sự đồng nhất trong các quyết định liên quan đến những cá nhân có cùng hoàn cảnh mà không làm tổn hại đến sự công bằng về quy trình cũng như không gây ra những hệ quả không mong muốn”. Do đó vụ kiện tập thể này thỏa mãn Quy Tắc 23(b)(3).

Phân tích này không bị thay đổi sau quyết định mới đây của Tòa Án Tối Cao trong vụ *Comcast. BP và Bên Chống Án* cho rằng ba tháng sau khi tòa án quận xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thỏa thuận hòa giải, Comcast sẽ có một cuộc cách mạng trong việc áp dụng Quy Tắc 23(b)(3). Theo như tranh luận này,

¹¹⁵ *nt.*

¹¹⁶ *nt.* tại 921-23.

¹¹⁷ *nt.* tại 921.

¹¹⁸ Xem *Chalmette Ref.*, 637 F.3d tại 556.

Số 13-30095

Comcast tuyên bố “sự xác nhận đó theo Quy Tắc 23(b)(3) yêu cầu phải có một phương pháp luận chung, đáng tin cậy để tính toán các thiệt hại của vụ kiện tập thể”. Ý hiểu này là một sự xuyên tạc đáng kể của Comcast, đã được xem xét và bị bác bỏ tại Tòa Lưu Động Vùng Bảy, Tòa Lưu Động Vùng Sáu và Tòa Lưu Động Vùng Chín trong vài tháng kể từ khi Comcast được quyết định.¹¹⁹

Đề nghị chính của Comcast là “mô hình nhằm làm bằng chứng về các thiệt hại... chỉ được sử dụng để tính toán các thiệt hại được xác định dựa trên những lý luận” về trách nhiệm mà theo đó vụ kiện tập thể được đưa ra.¹²⁰ “Nếu mô hình này không nỗ lực làm như vậy thì không thể chứng minh được rằng các thiệt hại có thể được tính toán cho toàn bộ vụ kiện tập thể theo Quy Tắc 23(b)(3)”.¹²¹ Tuy nhiên trong vụ án này, việc điều tra của tòa án quận về sự chiếm ưu thế không bao giờ hướng tới một công thức như thế. Theo kết luận tại ba phiên xử lưu động của chúng tôi, chúng tôi đồng ý rằng quy định trong vụ Comcast là không hề liên quan “[k]hi mà việc xác định trách nhiệm và thiệt hại đã được chia tách theo đúng Quy Tắc 23(c)(4) và tòa án quận “đã giữ nguyên tất cả các vấn đề liên quan đến các thiệt hại để tiến hành xác định cho từng cá nhân”.¹²² Thậm chí sau vụ Comcast, công tác điều tra về sự chiếm ưu thế vẫn có thể được thỏa mãn theo Quy Tắc 23(b)(3) nếu vụ kiện được cơ cấu nhằm chứng minh “trách nhiệm đối với toàn bộ vụ kiện tập thể, trong đó có những phiên tòa riêng biệt để xác định - liệu trách nhiệm đã được chứng minh - các thiệt hại của các thành viên cá nhân trong vụ kiện tập thể”.¹²³ Như giải thích trên đây, đây chính xác là cách thức mà tòa án quận đã lên kế hoạch để tính toán các thiệt hại của người yêu cầu bồi thường, mà

¹¹⁹ Xem *Butler*, 727 F.3d tại 800; *Trong vụ Whirlpool Corp.*, 722 F.3d tại 860; *Leyva*, 716 F.3d tại 514.

¹²⁰ *Comcast Corp.*, 133 S. Ct. tại 1433.

¹²¹ *nt.*

¹²² *Trong vụ Whirlpool Corp.*, 722 F.3d tại 860; xem thêm *Butler*, 727 F.3d tại 800; *Leyva*, 716 F.3d tại 514.

¹²³ *Butler*, 727 F.3d tại 800; xem thêm *Trong vụ Whirlpool Corp.*, 722 F.3d tại 860; *Leyva*, 716 F.3d tại 514.

Số 13-30095

“sẽ phải được quyết định tùy theo từng cá nhân là các trường hợp đang chưa được giải quyết”.¹²⁴ Do đó đề nghị chính của Comcast không được áp dụng ở đây.

Về vấn đề bổ sung liên quan đến điều tra về sự chiếm ưu thế, chúng tôi cũng đã xem xét đề nghị của BP là Comcast nghiêm cấm việc xác nhận vụ kiện tập thể ở vụ án hiện tại vì lý do các khoản thanh toán được thực hiện theo Mục 4B và 4C của Thỏa Thuận Hòa Giải cho những người yêu cầu bồi thường “không hề bị tổn hại nào”. Theo quan điểm của BP, các khoản thanh toán được thực hiện theo công thức đó không “phụ thuộc” vào nguyên lý trách nhiệm của vụ kiện tập thể và do đó đã vi phạm Comcast. Để hỗ trợ cho ý kiến này, BP cũng đã trích dẫn quyết định của chúng tôi trong vụ Bell Atlantic, trong đó nêu rõ rằng (rất giống với trường hợp của Comcast) việc điều tra về sự chiếm ưu thế theo Quy Tắc 23(b)(3) không thể được thỏa mãn khi áp dụng công thức tính toán thiệt hại vụ kiện tập thể “không hề phù hợp”.¹²⁵

Ý kiến này cũng phải bị bác bỏ. Cả Comcast và Bell Atlantic, hoặc bất kỳ quyết định nào khác mà BP đã biết, đều không cho rằng sự chiếm ưu thế theo Quy Tắc 23(b)(3) có thể sẽ bị làm mất hiệu lực bởi công thức tính toán các khoản thanh toán tự nguyện theo quy định trong thỏa thuận hòa giải. Cả Comcast và Bell Atlantic đều đã sử dụng các công thức tính toán thiệt hại trong các vụ kiện tập thể mà đã được xác nhận để tiếp tục điều tra về sự phù hợp và cả hai đều không đề cập đến thỏa thuận hòa giải nào. Ngoài ra, quyết định Amchem, có sự tham gia của vụ kiện tập thể hòa giải được đề nghị xác nhận theo Quy Tắc 23(b)(3), giải thích rằng việc điều tra về sự chiếm ưu thế “hướng tới các vấn đề về mặt pháp lý hoặc thực tế để hợp thức hóa các vấn đề gây tranh cãi của từng thành viên trong vụ kiện tập thể, các vấn đề mà đã tồn tại trước khi có hòa giải”.¹²⁶ Trên thực tế, như đã được đề cập đến trong vụ Amchem, sự tồn tại của thỏa thuận hòa giải cho phép tòa án quận xét xử gộp trong đó có xem xét tối thiểu một trong số các vấn đề của Quy Tắc 23(b)(3):

¹²⁴ *Sự Cố Trần Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 924.

¹²⁵ *Bell Atl.*, 339 F.3d tại 307.

¹²⁶ *Amchem*, 521 U.S. tại 623 (đã thêm nhấn mạnh).

Số 13-30095

“những khó khăn có thể phát sinh khi quản lý vụ kiện tập thể” Theo *Amchem*, khi “[đ]ứng trước yêu cầu xác nhận vụ kiện tập thể chỉ thông qua hòa giải, tòa án quận không cần phải điều tra xem liệu vụ án đó, nếu được xét xử, có phát sinh các vấn đề nan giải trong quản lý hay không, xem Fed. Rule Civ. Proc. 23(b)(3)(D), vì theo đề nghị là không cần phải mở phiên tòa”.¹²⁷

Do đó chúng tôi không thể biết được tại sao hoặc làm thế nào mà công thức tính toán các khoản thanh toán tự nguyện theo quy định của thỏa thuận hòa giải là có thể ảnh hưởng đến sự chiếm ưu thế của các vấn đề chung so với các vấn đề cá nhân trong vụ kiện này. Thực tế thì sự vô lý chính là lý do mà BP nhận thấy không có bất kỳ thẩm quyền nào đối với vấn đề này. Vấn đề về pháp lý hoặc thực tế, là vấn đề “chung” theo Quy Tắc 23, là yếu tố cho phép vụ kiện tập thể “phát sinh được các câu trả lời chung nhằm chi phối cách thức giải quyết cho vụ kiện”.¹²⁸ Tuy nhiên sau khi giải quyết được vụ kiện tập thể, thì theo định nghĩa vụ kiện đã được giải quyết và các vấn đề đã có được lời giải đáp. Trên cơ sở đó, công tác điều tra về sự chiếm ưu thế và đa số phải được xem xét một cách độc lập tách biệt khỏi phương án giải quyết đã nêu trong thỏa thuận hòa giải - đó chính xác là những gì mà *Amchem* hướng dẫn.¹²⁹ Theo đó các tranh luận do BP và Bên Chống Án đưa ra liên quan đến Quy Tắc 23(b)(3) phải bị bác bỏ.¹³⁰

¹²⁷ *nt.* tại 620.

¹²⁸ *Wal-Mart*, 131 S. Ct. tại 2551 (đã lược bỏ tô đậm); *M.D.*, 675 F.3d tại 840.

¹²⁹ *Amchem*, 521 U.S. tại 623 (giải thích rằng việc điều tra sự chiếm ưu thế “hướng tới các vấn đề về mặt pháp lý hoặc thực tế để hợp thức hóa các vấn đề gây tranh cãi của từng thành viên trong vụ kiện tập thể, các vấn đề mà đã tồn tại trước khi có thỏa thuận hòa giải”). Rất cần thiết phải nhắc lại rằng ngay cả khi vụ kiện tập thể hòa giải trong trường hợp của *Amchem* không thể điều tra về sự chiếm ưu thế thì đó cũng không phải là do ảnh hưởng của thỏa thuận hòa giải. Lý do ở đây là tòa án quận, mặc dù không được phép, nhưng đã xem xét một số các yếu tố liên quan ví dụ như “lợi ích của các thành viên của vụ kiện tập thể trong việc được bồi thường nhanh chóng và công bằng”, đây chính là yếu tố không liên quan đến vụ án hoặc sự tranh luận mà theo giả thuyết sẽ phát sinh kiện tụng nếu vụ kiện tập thể không được hòa giải. Các yếu tố đó không liên quan đến công tác điều tra về sự chiếm ưu thế. *Xem id.*

¹³⁰ Cả Bên Chống Án Cobb và Bên Chống Án Allpar đều không có bất kỳ tranh luận nào theo yêu cầu thứ hai của Quy Tắc 23(b)(3), đó là “vụ kiện tập thể sẽ vượt trội hơn so với các phương pháp khác trong việc giải quyết công bằng và hiệu quả các tranh cãi”. BP đã khởi xướng

Số 13-30095

D.

BP và Bên Chống Án cũng cho rằng, dựa trên sự giải trình về Mục 4B và 4C của Người Quản Lý Vụ Kiện Tập Thể, thông báo của vụ kiện tập thể được gửi tới các thành viên vắng mặt của tập thể là không đầy đủ. Theo Quy Tắc 23(c)(2)(B), “[t]hông báo phải diễn đạt rõ ràng, súc tích bằng ngôn ngữ đơn giản và dễ hiểu . . . về bản chất của vụ kiện”, “định nghĩa về vụ kiện tập thể đã được xác nhận”, “các yêu cầu bồi thường, các vấn đề hoặc sự biện hộ liên quan đến vụ kiện tập thể”, và các mục thông tin khác liên quan đến việc bác bỏ, phản đối và các hệ quả của phán quyết. Không ràng buộc các ý kiến của họ vào bất kỳ điều khoản cụ thể nào của Quy Tắc 23(c)(2)(B), BP và Bên Chống Án cho rằng các thành viên của vụ kiện tập thể lẽ ra phải được thông báo về khả năng sẽ có cả những cá nhân và pháp nhân không hề bị tổn hại trong số những người yêu cầu bồi thường tiềm năng.

Tuy nhiên trong tòa lưu động của chúng tôi, “[k]hông yêu cầu [] . . . các thành viên của vụ kiện tập thể phải hiểu rõ về thực tế quan trọng đã xảy ra trước khi có thông báo”.¹³¹ Ngoài ra, như chúng tôi được biết trong trường hợp *Vụ Kiện Chống Độc Quyền của Nissan Motor Corp.*, 552 F.2d 1088, 1104 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1977), và như đã được thống nhất tại tối thiểu bốn phiên xử lưu động của chúng tôi, thông báo vụ kiện tập thể phải mô tả về các thủ tục

tranh luận này nhưng lại không phân biệt được một cách phù hợp giữa tranh luận về “sự chiếm ưu thế” và tranh luận về “sự vượt trội”. Trích dẫn trong vụ *Amchem*, BP nêu ý kiến rằng vụ kiện tập thể không vượt trội hơn các kiện tụng cá nhân bởi vụ kiện tập thể chỉ thỏa mãn Quy Tắc 23(b)(3) khi mà nó “tiết kiệm được về mặt thời gian, công sức và chi phí đồng thời thúc đẩy sự đồng nhất trong các quyết định về các cá nhân có hoàn cảnh tương tự mà không làm ảnh hưởng đến sự công bằng về quy trình cũng như không gây ra những hệ quả không mong muốn”. *Amchem*, 521 U.S. tại 615. Tuy nhiên như chúng tôi đã nhận định khi điều tra về sự chiếm ưu thế, tòa án quận đã không lạm dụng thẩm quyền của mình trong việc xác định được rằng yêu cầu này đã được đáp ứng trong vụ án này. Xem *Sự Cố Trần Dầu*, 910 F. Supp. 2d tại 928. Do đó, ý kiến tranh luận của BP về sự vượt trội theo Quy Tắc 23(b)(3) cũng bị bác bỏ.

¹³¹ Về *Corrugated Container Antitrust Litig.*, 611 F.2d 86, 88 (Tòa lưu động Vùng 5 1980) (trích dẫn *Trong vụ Nissan Motor Corp. Antitrust Litig.*, 552 F.2d 1088, 1104 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1977)) (đã lược bỏ các dấu ngoặc đơn, ngoặc kép).

Số 13-30095

“các điều khoản khách quan, trung lập”¹³² Luận điểm mà BP và Bên Chống Án cho rằng lẽ ra phải được đưa vào trong thông báo vụ kiện tập thể không hề “khách quan” và cũng không hề “trung lập” đồng thời lại có tính đối địch không phù hợp để được đề cập đến trong thông báo vụ kiện tập thể.

Bên cạnh đó, ở Các Vụ Vi Phạm tại Kênh Đào Katrina, chúng tôi tìm thấy trong thông báo vụ kiện tập thể có một thông điệp “sai không đáng kể” liên quan đến một điểm trong Luật Pháp Louisiana, chúng tôi cho rằng thông báo vẫn được đảm bảo đầy đủ do “thông điệp bằng văn bản [đã] chính xác ở những nội dung quan trọng”.¹³³ Theo đó, định nghĩa về vụ kiện tập thể được giải thích trong thông báo là bao gồm cả những cá nhân và pháp nhân bị thiệt hại về tài sản và kinh tế “phát sinh do hệ quả của Sự Cố Deepwater Horizon”. Do đó, ngay cả khi chúng tôi chấp nhận rằng thông báo vụ kiện tập thể phải được tăng cường bằng cách bổ sung từ “đã được chứng minh” thì sự không rõ ràng nhỏ nhất về mặt pháp lý này cũng không đủ để khẳng định rằng thông báo vụ kiện tập thể là không đầy đủ. Vì vậy tòa án quận đã không lạm dụng thẩm quyền của mình khi nhận định thông báo vụ kiện tập thể là đầy đủ theo Quy Tắc 23(c)(2)(B).

E.

Cũng theo quan điểm của BP và Bên Chống Án, giải trình của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường về Mục 4B và 4C đã ngăn cản việc phê duyệt Thỏa Thuận Hòa Giải theo Quy Tắc 23(e), trong đó yêu cầu tòa án quận phải đảm bảo rằng tất cả các thoả thuận hòa giải của vụ kiện tập thể đều “công bằng, phù hợp và chính đáng”. Tuy nhiên, thậm chí các vụ án được trích dẫn bởi BP cũng nhấn mạnh rằng mục đích của Quy Tắc 23(e) là để “bảo vệ

¹³² Xem *Int'l Union, United Auto., Aerospace, & Agric. Implement Workers of Am. và Gen. Motors Corp.*, 497 F.3d 615, 630 (Tòa Lưu Động Vùng 6 2007) (“Quy Tắc 23(e) không yêu cầu thông báo phải chỉ rõ cơ sở để các thành viên của vụ kiện tập thể có thể phản đối lại thoả thuận hòa giải. . . .”); xem thêm *Rodriguez v. W. Publ'g Corp.*, 563 F.3d 948, 962-63 & n.7 (Tòa Lưu Động Vùng 9 2009) (yêu cầu thông báo vụ kiện tập thể phải “tuyệt đối trung lập”); *Trong vụ Traffic Exec. Ass'n E. R.R.*, 627 F.2d 631, 634 (Tòa Lưu Động Vùng 2 1980) (tương tự); *Grunin v. Int'l House of Pancakes*, 513 F.2d 114, 122 (Tòa Lưu Động Vùng 8 1975) (tương tự).

¹³³ Xem *Katrina Canal Breaches Litig.*, 628 F.3d 185, 199 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2010).

Số 13-30095

các thành viên không thuộc bên nào của vụ kiện tập thể”.¹³⁴ Không có vụ án nào được trích dẫn bởi BP hoặc Các Bên Chống Án nói rằng tòa án quận phải bảo vệ các lợi ích của bị đơn, theo đó trong hầu hết các thoả thuận hòa giải có thể bảo vệ được lợi ích riêng của mình trên bàn đàm phán. Như chúng tôi đã đề cập đến trong trường hợp của *Newby v. Enron Corp.*, 394 F.3d 296, 301 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2004), “[điểm cơ bản để thoả thuận hòa giải có thể được phê duyệt chính là phải công bằng, phù hợp và chính đáng chứ không được là sản phẩm của sự câu kết giữa các bên”.¹³⁵ Từ vụ tranh cãi hiện tại xoay quanh vấn đề giải trình phù hợp Mục 4B và 4C và như tòa án quận đã phát hiện được,¹³⁶ Thỏa Thuận Hòa Giải đã được kết luận trong phiên đàm phán công bằng không hề có bất kỳ sự câu kết nào.

BP cũng đã đưa ra một luận điểm mới về quyết định của chúng tôi trong vụ *Reed v. General Motors Corp.*, 703 F.2d 170 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1983), trong đó chúng tôi đã giải thích rằng việc áp dụng Quy Tắc 23(e) sẽ tập trung vào việc phân tích sáu yếu tố. Các yếu tố đó là: (1) sự tồn tại của gian lận hoặc câu kết đằng sau thoả thuận hòa giải; (2) sự phức tạp, chi phí và thời gian của vụ kiện; giai đoạn kiện tụng và khối lượng điều tra được hoàn thành; (4) xác suất thành công của nguyên đơn về tính phù hợp; (5) mức độ phục hồi khả thi; và (6) các ý kiến của luật sư vụ kiện tập thể, các đại diện của vụ kiện tập thể và các thành viên vắng mặt của tập thể.¹³⁷ Ở vụ án hiện tại, tòa án quận đã phân tích rất chi tiết và kỹ lưỡng về thoả thuận hòa giải được đề nghị dựa trên mỗi một trong số sáu yếu tố *Reed*.¹³⁸ Theo quan điểm của tòa án quận, không có yếu tố *Reed* nào được tư vấn

¹³⁴ *Wilson v. Sw. Airlines, Inc.*, 880 F.2d 807, 818 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1989) (trích dẫn *Piambino v. Bailey*, 610 F.2d 1306, 1327 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1980)); xem thêm *All Plaintiffs v. Tất cả Bị Đơn*, 645 F.3d 329, 334 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2011) (trích dẫn *Strong v. BellSouth Telecomm'cns, Inc.*, 137 F.3d 844, 849 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1998)).

¹³⁵ *Newby*, 394 F.3d tại 301 (đã lược bỏ các dấu ngoặc kép).

¹³⁶ Trong vụ *Oil Spill*, 910 F. Supp. 2d tại 931.

¹³⁷ *Reed*, 703 F.2d tại 172.

¹³⁸ Trong vụ *Oil Spill*, 910 F. Supp. 2d tại 931-39.

Số 13-30095

về phê duyệt thoả thuận hòa giải.

Ý kiến tranh luận của BP đã bỏ qua cả sáu yếu tố *Reed*. Đúng hơn là, BP phụ thuộc vào các nội dung trích dẫn ngắn từ *Reed* để bày tỏ quan điểm rằng các tòa án quận cũng phải đảm bảo các thỏa thuận hòa giải được dựa trên “phép tính xấp xỉ công bằng về quyền tương đối của [các thành viên vụ kiện tập thể]”. Nội dung trích dẫn này rõ ràng là không phù hợp với bối cảnh.¹³⁹ Không có quyết định nào khác của tòa án hoặc của tòa án quận mà trích dẫn *Reed* để đưa ra nhận định như thế. Cũng không có yếu tố *Reed* nào lại có thể liên kết dễ dàng với việc phân tích “xấp xỉ công bằng” mà BP đã đề xuất. Thậm chí đã cố gắng phân tích luận điểm của BP dựa trên yếu tố thứ năm được bàn tới liên quan đến *Reed*, “mức độ phục hồi khả thi”, tuy nhiên BP không tìm thấy bất kỳ lý do nào để tin rằng việc thanh toán theo quy định của Thỏa Thuận Hòa Giải nằm ngoài mức độ phục hồi khả thi của các thành viên vụ kiện tập thể.

F.

Cuối cùng, BP và các Bên Chống Án cho rằng, theo giải trình về Mục 4B và 4C của Người Quản Lý Vụ Kiện Tập Thể, yêu cầu về “khả năng được xác nhận” tuyệt đối của Quy Tắc 23 đã không được thỏa mãn. Như chúng tôi được biết trong trường hợp của *Union Asset Management Holding A.G. v. Dell, Inc.*, 669 F.3d 632, 639 n.1 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2012): “[Đ]ể duy trì được vụ kiện tập thể, tập thể cần được đại diện phải được xác định phù hợp và phải có khả năng được xác nhận rõ ràng”.¹⁴⁰ Theo luận điểm này, hai Thông Báo Chính Sách của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã khiến cho định nghĩa về vụ kiện tập thể trở nên phi lý và do đó đã vi phạm yêu cầu về khả năng được xác nhận. Tuy nhiên, trong trường hợp của *Rodriguez*, “khả năng về việc một số [người yêu cầu bồi thường] không thể thắng được yêu cầu bồi thường cá nhân của mình cũng sẽ không làm mất hiệu lực tư cách thành viên trong tập thể” theo yêu cầu về khả năng được xác nhận.¹⁴¹ Do đó, luận điểm cuối cùng này

¹³⁹ Xem *Reed*, 703 F.2d tại 175.

¹⁴⁰ *Dell*, 669 F.3d tại 639 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2012) (trích dẫn *DeBremaecker v. Short*, 433 F.2d 733, 734 (Tòa Lưu Động Vùng 5 1970) (per curiam)).

¹⁴¹ *Rodriguez*, 695 F.3d tại 370 (đã lược bỏ các dấu ngoặc kép).

Số 13-30095

của BP và các Bên Chống Án cũng bị bác bỏ. Do không có luận điểm nào khác nói về thành phần tuyệt đối này của Quy Tắc 23 nên chúng tôi cho rằng tòa án quận đã không lạm dụng thẩm quyền của mình để nhận định rằng vụ kiện tập thể hòa giải đã thỏa mãn yêu cầu về khả năng được xác nhận.

V.

Có thể kết luận rằng, các luận điểm mà BP và các Bên Chống Án đã đưa ra liên quan đến từng điều khoản của Quy Tắc 23 thực chất chỉ là các biến thể, phần lớn, của một luận điểm duy nhất. Dựa trên các quyết định trước đây của mình, chúng tôi đã bác bỏ luận điểm này ngay cả khi chúng tôi có thể xem xét bằng chứng của BP và chấp nhận giả thuyết thực tế của nó, tuy nhiên thực tế là chúng tôi không thể. Theo *Mims* và *Rodriguez*, “[v]iệc xác nhận vụ kiện tập thể không bị ngăn cản một cách đơn giản bởi vụ kiện tập thể có thể bao gồm cả những người không hề bị tổn hại bởi hành vi của bị đơn”.¹⁴² Ngoài ra, kết quả là không khác biệt theo Điều III. Như đã trình bày trong trường hợp của *Cole*, “chỉ cần các nguyên đơn nỗ lực phục hồi các thiệt hại về kinh tế mà họ *chứng minh* được rằng họ chính là nạn nhân là đủ điều kiện cho vị thế tranh chấp”, bởi đối với từng thành viên trong tập thể, chúng tôi *trong quá trình tranh luận* phải thừa nhận rằng các yêu cầu bồi thường của họ là phù hợp” trong giai đoạn áp dụng Quy Tắc 23.¹⁴³

Như vậy, vì các lý do trên, chúng tôi XÁC NHẬN lệnh ngày 21 tháng 12 năm 2012 của tòa án quận.

ĐÃ XÁC NHẬN.

¹⁴² *Mims*, 590 F.3d tại 308; xem *Rodriguez*, 695 F.3d tại 370 (“[K]hả năng sẽ có một số [thành viên vắng mặt của tập thể] không thể thắng được yêu cầu bồi thường cá nhân của mình sẽ không làm ảnh hưởng đến tư cách thành viên trong tập thể”).

¹⁴³ *Cole*, 484 F.3d tại 723 (đã thêm nhấn mạnh) (trích dẫn *Parker*, 478 F.3d tại 377 (đã lược bỏ các dấu ngoặc kép)).

Số 13-30095

EMILIO M. GARZA, Thẩm Phán Lưu Động, không đồng quan điểm:

Đa số đều thấy rằng quan hệ nhân quả theo Điều III đã được đáp ứng bởi ngôn ngữ của Thỏa Thuận Hòa Giải và đơn khiếu nại bất kể việc Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường kiểm soát việc giải trình đã làm cho ngôn ngữ này bị mất hiệu lực, từ đó làm loại bỏ tất cả các yêu cầu về quan hệ nhân quả nhằm mở rộng phạm vi của vụ kiện tập thể đồng thời cho phép các cá nhân hoặc pháp nhân được tham gia hòa giải mặc dù họ không có yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi xét xử. “Các yêu cầu của Quy Tắc 23 phải được giải trình phù hợp với Điều III . . .” *Amchem Products, Inc., v. Windsor*, 521 U.S. 591, 613 (1997). Vị thế tranh chấp là yếu tố quan trọng của yêu cầu vụ án-hoặc-tranh cãi thuộc Điều III, và theo quy định “phải có mối liên hệ nhân quả giữa tổn hại và hành vi bị khiếu nại”. *Lujan v. Những Người Bảo Vệ Động Vật Hoang Dã*, 504 U.S. 555, 560 (1992). Cụ thể, việc một thành viên trong tập thể có bị tổn hại về mặt kinh tế hay không cũng không quan trọng nếu thiệt hại đó không bị gây ra bởi sự cố tràn dầu. Nếu không có yêu cầu về quan hệ nhân quả thực tế đối với tất cả thành viên trong tập thể thì Quy Tắc 23 sẽ không được áp dụng để tập hợp các vụ kiện và tranh cãi giống nhau mà sẽ được áp dụng để mở rộng thẩm quyền tài phán của Hoa Kỳ nhằm kiểm soát chương trình bồi thường riêng tư. Vì Điều III không cho phép việc này nên tôi đã không đồng ý.

I

Trong khi ba yếu tố về vị thế tranh chấp theo Điều III - tổn hại, quan hệ nhân quả và khả năng bồi thường được - được duy trì không đổi trong suốt vụ kiện thì tiêu chuẩn bằng chứng cần thiết để chứng minh cho các yếu tố này lại càng trở nên vô cùng cần thiết thông qua “các giai đoạn kiện tụng thành công”. *Lujan*, 504 U.S. tại 560; *ante*, tại 9. Tôi đồng ý với đa số là chúng tôi phải đánh giá vị thế tranh chấp theo tiêu chuẩn bằng chứng trong giai đoạn xác nhận vụ kiện tập thể và phê duyệt thỏa thuận hòa giải theo Quy Tắc 23. Tuy nhiên, tôi cũng không đồng ý với đa số về việc vị thế tranh chấp theo Điều III được thỏa mãn trong vụ án này khi áp dụng thẩm định *Denney*. Tôi cũng không đồng ý rằng *Kohen*,

Số 13-30095

mà trên thực tế chuyên giải quyết việc xác nhận vụ kiện tập thể trước khi diễn ra phiên tòa, phù hợp với vụ kiện tập thể hòa giải.

A

Trong trường hợp của *Denney v. Deutsche Bank AG*, 443 F.3d 253, 264 (Tòa Lưu Động Vùng 2 2006), vụ án thoả thuận hòa giải vụ kiện tập thể giống như của chúng tôi, Tòa Lưu Động Vùng Hai đã xác định rằng “[k]hông có vụ kiện tập thể nào có thể được xác nhận nếu các thành viên không có vị thế cạnh tranh theo Điều III. Do đó vụ kiện tập thể phải được xác định theo cách mà *tất cả những người có liên quan trong đó* đều có vị thế tranh chấp” *Như trên* (đã lược bỏ dấu ngoặc kép) (đã thêm nhấn mạnh). Thẩm định *Denney* về cơ bản thừa nhận rằng quyết định xác nhận vụ kiện tập thể đã mở ra cánh cửa của tòa án liên bang cho tất cả thành viên của vụ kiện tập thể đó. Các tòa án liên bang chỉ giải quyết các vụ án có thẩm quyền tài phán.¹ Do đó, *Denney* đã đánh giá đúng rằng, cuối vụ kiện, giai đoạn xác nhận vụ kiện tập thể hòa giải, các tòa án cần phải xác nhận rằng định nghĩa về vụ kiện tập thể chỉ giới hạn ở những trường hợp có thẩm quyền tài phán, tức là chỉ giới hạn ở các trường hợp có vị thế tranh chấp. Theo như các thông báo đa số, tiêu chuẩn của thẩm định này là liệu định nghĩa về vụ kiện tập thể có chỉ tập trung vào những cá nhân và pháp nhân có Vị Thế Tranh Chấp theo Điều III hay không. *Ante* tại 16.

Đa số đều cho rằng vụ kiện tập thể hòa giải hiện tại cần phải được giới hạn để chỉ tập trung vào những thành viên của vụ kiện tập thể mà yêu cầu bồi thường của họ có mối quan hệ nhân quả với sự cố tràn dầu, tức là có vị thế tranh chấp. *Như trên* Quan điểm này chỉ dựa trên Phần 1.3.1.2 của Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể, cũng được đề cập đến trong Thỏa Thuận Hòa Giải và Khiếu Nại Sửa Đổi. Quan điểm này cũng, hoàn toàn và đó là sai phạm, bỏ qua các cách diễn đạt trong các tư liệu khác, bao gồm cả Mục 4B và Thông Báo Chính Sách của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường, mà ảnh hưởng đáng kể tới trạng thái của yêu cầu quan hệ nhân quả. Phần 1.3.1.2 tóm lược về một loại hình thức thiệt hại kinh tế

¹ *Xem, ví dụ, Warth v. Seldin*, 422 U.S. 490, 498 (1975) (“[Vị thế tranh chấp] được cho là hướng tới vai trò phù hợp - và có sự hạn chế phù hợp - của các tòa án trong một xã hội dân chủ. [Đó] là vấn đề tiêu chuẩn trong tất cả các vụ án liên bang, quyết định đến thẩm quyền của tòa án trong việc giải quyết vụ kiện”).

Số 13-30095

đó là “[m]ất thu nhập, hoặc lợi ích mà Các Cá Nhân hoặc Pháp Nhân Tự Nhiên phải chịu do SỰ CỐ DEEPWATER HORIZON”. (đã thêm nhấn mạnh). Chắc chắn rằng, cách diễn đạt này sẽ xoay quanh yêu cầu về quan hệ nhân quả.² Tuy nhiên, sự điều tra này không chỉ kết thúc ở đó. Các tư liệu khác có nhiều ý nghĩa đối với việc giải quyết mối quan hệ nhân quả trong Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể cũng phải được xem xét.

Phần 1.3.1 của Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể đã được kết hợp thông qua Mục 4B tham chiếu: “Các Yêu Cầu về Quan Hệ Nhân Quả trong Yêu Cầu Bồi Thường Thiệt Hại Kinh Tế Doanh Nghiệp” Phần 1 của Mục 4B chứng minh rằng các cá nhân và pháp nhân nhất định, tùy theo vị trí hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp của họ, “không cần phải cung cấp bằng chứng về quan hệ nhân quả”.³ Các nhóm này có quyền giả định về quan hệ nhân quả.⁴ Kết hợp lại, Phần 1.3.1.2 của Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể và Phần 1 của Mục 4B chứng minh rằng các cá nhân và pháp nhân chứng minh được là mình bị thiệt hại do sự cố tràn dầu không cần phải cung cấp bằng chứng về mối quan hệ nhân quả đó khi yêu cầu bồi thường.⁵ Giải thích như vậy có vẻ như sẽ đảm bảo duy trì được yêu cầu chuẩn mực

² Theo Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu, 33 U.S.C. § 2702(a), trách nhiệm sẽ được mở rộng để bao gồm cả chi phí xử lý và các danh mục thiệt hại cụ thể “mà là hệ quả” của sự cố tràn dầu.

³ Ví dụ, Phần I.1 nói rằng “Nếu bạn là doanh nghiệp tại Khu Vực A, bạn không cần phải cung cấp bằng chứng về quan hệ nhân quả trừ phi bạn liên quan đến một ngoại lệ nào đó được các bên thống nhất và được liệt kê tại phần ghi chú (1)”. Phần I.5 ghi rõ “Nếu bạn ở Khu Vực A, B hay C, và bạn đáp ứng “Định Nghĩa Đánh Cá Thuê Tàu” thì sẽ không phải cung cấp bất kỳ chứng cứ về quan hệ nhân quả nào”. Xem Phần II dưới đây (giải thích tại sao các yêu cầu liên quan đến địa lý và tùy theo từng doanh nghiệp lại không đáp ứng được yêu cầu về quan hệ nhân quả thực tế của Điều III và luật pháp khác liên quan đến các yêu cầu bồi thường của vụ kiện tập thể).

⁴ Các nhóm này trái ngược với các nhóm người yêu cầu bồi thường khác mà phải cung cấp bằng chứng về quan hệ nhân quả theo các yêu cầu của một trong số những mô hình thiệt hại doanh thu được xác định trong Thỏa Thuận Hòa Giải - ví dụ, “Mô Hình Doanh Thu Hình Chữ V Sửa Đổi,” hoặc “Bằng Chứng Hủy Bỏ Liên Quan đến Sự Cố Tràn Dầu”

⁵ Giả định về quan hệ nhân quả của Mục 4B thay thế cho vị trí địa lý của người yêu cầu bồi thường, hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp của người yêu cầu bồi thường, để làm bằng chứng về quan hệ nhân quả. Có một câu hỏi mở về việc liệu sự thay thế này, thậm chí là có sự kết hợp với Phần 1.3.1.2, có đáp ứng

Số 13-30095

về quan hệ nhân quả trong khi không cần phải cung cấp bằng chứng cụ thể để chứng minh điều đó khi đưa ra yêu cầu bồi thường hòa giải. Nói cách khác, quan hệ nhân quả có vẻ như sẽ là một *yếu tố* của yêu cầu bồi thường mặc dù *bằng chứng* không phải điểm quan trọng trong quy trình yêu cầu bồi thường. Đặc biệt, Phần 1.3.1.2 và Phần I của Mục 4B không làm kết thúc quá trình điều tra của chúng tôi: Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã ban hành nội dung giải trình chính về các yêu cầu quan hệ nhân quả của Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể.

Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường chỉ chịu trách nhiệm trong việc thực hiện và quản lý Hòa Giải trong Phần 4.3.1 của Thỏa Thuận Hòa Giải. Theo như trách nhiệm này, người quản lý nói trên đã ra quyết định giải trình về quan hệ nhân quả đối với các thiệt hại về kinh tế, trong đó giải thích rằng người quản lý sẽ:

“bồi thường cho những người yêu cầu bồi thường Tổn Thất Kinh Tế Doanh Nghiệp và Tổn Thất Kinh Tế Cá Nhân đối với các tổn thất phù hợp theo quy định của khung Tổn Thất Kinh Tế trong Thỏa Thuận Hòa Giải, *bất kể việc liệu những tổn thất đó là do hay có thể là do một nguyên nhân khác ngoài sự cố tràn dầu Deepwater Horizon* miễn là những người yêu cầu bồi thường đó thỏa mãn các yêu cầu về quan hệ nhân quả cụ thể được quy định trong Thỏa Thuận Hòa Giải”. (đã thêm nhấn mạnh).

Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường cũng nói thêm rằng “Thỏa Thuận Hòa Giải không dự tính việc Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường sẽ thực hiện phân tích bổ sung về các vấn đề quan hệ nhân quả ngoài các tiêu chí được quy định rõ trong Thỏa Thuận Hòa Giải”. Tóm lại, Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã chứng minh rằng Thỏa Thuận Hòa Giải không cần phải có bằng chứng về quan hệ nhân quả, ngoài các yêu cầu cụ thể của Mục 4B. Và, tòa án quận đã xác nhận nhiều lần về quyết định này.⁶ Đặc biệt, cách giải trình này đã làm cho

yếu tố nguyên nhân thực tế thuộc Điều III hay không. Tuy nhiên, dựa trên những cơ sở lập luận mà chúng tôi có được, cách giải trình của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã loại bỏ hiệu quả nội dung “là hệ quả của” của Phần 1.3.1.2.

⁶ Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường đã ban hành Thông Báo Chính Sách ngày 10/10/2012, chỉ trong vòng hai tháng *trước khi* Tòa Án Quận ra phán quyết xác nhận vụ kiện tập thể cuối cùng. Ngày 12/12/2012, tòa án quận đã xác nhận về nội dung giải trình bằng cách gửi thư điện tử cho các bên. Và vào ngày 09/04/2013, tòa án quận cũng đã ra phán quyết phê duyệt

Số 13-30095

nội dung về quan hệ nhân quả thuộc Phần 1.3.1.2 là không có hiệu lực —tất cả mọi vấn đề đều nằm ở Mục 4B. Sẽ không còn yêu cầu chuẩn mực mà trong đó các thiệt hại kinh tế phát sinh “do hệ quả của” sự cố Deepwater Horizon ⁷, và cũng sẽ không còn quy định là phải có tối thiểu năm nhóm người yêu cầu bồi thường Tổn Thất Kinh Tế Doanh Nghiệp phải cung cấp bằng chứng về quan hệ nhân quả nữa. Tức là, không còn yêu cầu về quan hệ nhân quả trong Thỏa Thuận Hòa Giải—*như đang được áp dụng thực tế*—để tham gia vào vụ kiện tập thể nữa. Chắc chắn rằng, cụm từ “là hệ quả của” sẽ vẫn được duy trì trong Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể, Khiếu Nại Sửa Đổi và Thỏa Thuận Hòa Giải, tuy nhiên, thực tế thì cụm từ này không có ý nghĩa trong việc xác định ai đủ điều kiện tham gia hòa giải.

Do đó, vụ kiện tập thể này có thể xoay quanh các cá nhân hoặc pháp nhân mà không bao giờ chứng minh được vị thế tranh chấp của mình trong bất kỳ giai đoạn nào của vụ kiện. Và như vậy là đã không đáp ứng được *Denney*. Như được giải thích trong trường hợp của *Lujan*, vị thế tranh chấp theo Điều III yêu cầu ngắn gọn rằng tổn hại phải là “hệ quả của hành vi đã được thừa nhận của bị đơn, đồng thời không phải là hệ quả của hành vi độc lập của bên thứ ba nào đó mà không xuất hiện trước tòa”. 504 U.S. tại 660 (đã lược bỏ dấu ngoặc kép bên trong và các thay đổi). Việc hủy bỏ yêu cầu về quan hệ nhân quả đối với những người yêu cầu bồi thường Tổn Thất Kinh Tế Doanh Nghiệp làm cho Thỏa Thuận Hòa Giải bị vi phạm pháp luật theo khía cạnh này.

Ở giai đoạn xác nhận vụ kiện tập thể hòa giải, *Denney* không yêu cầu từng thành viên trong tập thể phải trình bằng chứng về vị thế tranh chấp cá nhân”*Denney* 443 F.3d tại 263. Thẩm định là để xác định liệu từng thành viên được nhắm tới bởi định nghĩa này có thể *chứng minh được* vị thế tranh chấp hay không. *Ante* tại 21. Và để chứng minh được vị thế tranh chấp, chúng tôi

cách giải trình này. Vào ngày 24/12/2013, theo yêu cầu điều tra bổ sung Số 13-30315 (được gửi tới Thẩm Phán Dennis, Clement và Southwick), tòa án quận đã ra phán quyết nhận định rằng “việc tổn thất kinh tế doanh nghiệp có là “hệ quả của” sự cố Deepwater Horizon theo mục đích của Hòa Giải hay không sẽ chỉ được quyết định bởi Mục 4B”. Xem Phán Quyết và Các Lý Do [Sau Khi Có Yêu Cầu Điều Tra Bổ Sung về các vấn đề liên quan đến Tổn Thất Kinh Tế Doanh Nghiệp], 2:10-MD-2179, ECF Số 12055, tại 18.

⁷ Xem Mục 4B, §§ I.1–5.

Số 13-30095

“trong quá trình tranh luận, phải thừa nhận sự phù hợp của các kiện tụng pháp lý của”. Cole v. General Motors Corp., 484 f.3d 717, 723 (Tòa Lưu Động Vùng 5 2007). Nhưng ở đây, trong giai đoạn xác nhận vụ kiện tập thể hòa giải, các chuẩn mực này đã không được đáp ứng. Do việc giải trình đã làm vô hiệu nội dung về quan hệ nhân quả của Phần 1.3.1.2 của khiếu nại nên không có đảm bảo cho việc từng thành viên của vụ kiện tập thể sẽ đáp ứng được các yêu cầu về vị thế tranh chấp theo Điều III. Do đó, rất có thể những người yêu cầu bồi thường mà đủ điều kiện để được giả định về quan hệ nhân quả theo Mục 4B có thể sẽ tham gia hoàn toàn vào công tác hòa giải mặc dù tổn hại của họ, nếu có, không phải là do sự cố Deepwater Horizon gây nên. Cf. Lujan, 504 U.S. tại 560. Denney yêu cầu rằng vụ kiện tập thể phải “được xác định theo cách mà tất cả những người có liên quan đều có được vị thế tranh chấp”. Denney, 443 F.3d tại 264 (đã thêm nhấn mạnh). Do không có yêu cầu về quan hệ nhân quả đối với một số người yêu cầu bồi thường Thiệt Hại Kinh Tế Doanh Nghiệp nên Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể này cũng bao gồm cả những người không có vị thế tranh chấp.⁸

Đa số đều tránh những tác động đáng kể của Thông Báo Chính Sách bằng cách kết luận rằng “tiêu chuẩn bằng chứng được áp dụng bởi Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường [] không phải là mục tiêu của vị thế tranh chấp theo Điều III”, mà là “vấn đề về giải trình Thỏa Thuận Hòa Giải và áp dụng với từng yêu cầu bồi thường cá nhân . . .” Ante tại 24. Nếu vụ án này chỉ quan tâm tới vấn đề về mức độ - ví dụ, thế nào là đủ bằng chứng để chứng minh về quan hệ nhân quả - thì tôi đồng ý với

⁸ Tại phiên kháng án, BP đã trình bằng chứng cụ thể về việc Người Quản Lý đã bồi thường cho cả những cá nhân và pháp nhân mà “có vẻ như không hề bị tổn hại” bởi sự cố tràn dầu. Ante, tại 19. Đa số đều cho rằng bằng chứng này không thể được đưa ra xem xét tại phiên kháng án bởi đã không được trình tới tòa án quận. Như trên Với thực tế đó thì không cần thiết phải đánh giá các bằng chứng cụ thể mới có thể quyết định được định nghĩa về vụ kiện tập thể, như đang được giải trình, có bao gồm cả những cá nhân hoặc pháp nhân mà không thể chứng minh tổn hại của họ là do sự cố tràn dầu hay không. Xem xét toàn diện các tư liệu có liên quan thì rõ ràng Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể là quá rộng. Mục 4B tạo ra giả định về quan hệ nhân quả cho những người làm việc trong những lĩnh vực hoặc ngành nghề cụ thể, và tiêu chí “là hệ quả của”, đã không còn ý nghĩa theo quy định của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường, sẽ không còn ràng buộc các cá nhân hoặc pháp nhân này nữa. Do vậy, định nghĩa về vụ kiện tập thể trực tiếp bao gồm cả những người yêu cầu bồi thường là doanh nghiệp mà trong đó không có yêu cầu về mối quan hệ nhân quả. Các yếu tố mang tính địa lý và tùy theo từng doanh nghiệp, tất cả đều được yêu cầu theo Phần I của Mục 4B, là không đủ để thỏa mãn mối quan hệ nhân quả như được quy định tại Điều III. Xem Phần II dưới đây

Số 13-30095

kết luận này. Trong trường hợp đó, một hình thức quan hệ nhân quả nào đó sẽ được giữ nguyên. Tuy nhiên, vấn đề ở đây không phải bằng chứng nào là đủ mà là liệu quan hệ nhân quả có được tách ra khỏi công tác hòa giải hay không. Chắc chắn rằng điều này nằm trong phạm vi của quá trình thẩm vấn theo Điều III. Xem *Lujan*, 504 U.S. tại 560 (quy định rằng mối quan hệ nhân quả là thành phần không thể thiếu của vị thế tranh chấp theo Điều III).

Ngoài ra, đa số đều cho rằng nội dung giải trình của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường không được gửi tới chúng tôi tại phiên kháng án này. *Ante* tại 23. Mặc dù nội dung giải trình bảo hiểm không phải là một phần trong tư liệu, phán quyết xác nhận ngày 21/12/2012 của tòa án quận được gửi trực tiếp tới chúng tôi, nhưng rõ ràng đây là một phần không thể thiếu trong cách thức hoạt động của Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể và Thỏa Thuận Hòa Giải. Thẩm định *Denney* để xác nhận vị thế tranh chấp theo Điều III ở giai đoạn hòa giải vụ kiện tập thể này yêu cầu tòa án phụ trách đánh giá phải phân tích về định nghĩa vụ kiện tập thể. Không thể phân tích chính xác và trung thực nếu bỏ qua nội dung giải trình quan trọng của định nghĩa này.⁹

Nội dung giải trình của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường phải được coi là một phần của Thỏa Thuận Hòa Giải và Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể vì một số lý do. Thứ nhất, tòa án quận mà đã xác nhận vụ kiện tập thể và giám sát việc thực thi hòa giải đã nhiều lần xác nhận về nội dung giải trình này.¹⁰ Thứ hai, nội dung giải trình được đưa ra trước khi tòa án quận có phán quyết xác nhận cuối cùng và hồ sơ cũng chứng minh là tòa án quận đã biết điều này.¹¹ Thứ ba, Thỏa Thuận Hòa Giải cũng nói rõ rằng Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường

⁹ Đa số đều bổ sung thêm rằng nội dung giải trình về quan hệ nhân quả của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường trong định nghĩa vụ kiện tập thể đã bị bác bỏ tại phiên kháng án bởi “không bên nào có phản đối chính thức”, và bởi BP ban đầu “không xác nhận về sự thích đáng hay không” của nội dung giải trình chính sách. *Ante* tại 6–7. Dù thế nào đi nữa “chúng tôi chắc chắn có toàn quyền đưa ra vấn đề về vị thế tranh chấp theo quy định tài phán của Điều III. . . .” *Lewis v. Casey*, 518 U.S. 343, 394 (1996) (trích dẫn *Mount Healthy City Bd. of Ed. v. Doyle*, 429 U.S. 274, 278, (1977)).

¹⁰ Xem ghi chú 6 trên đây.

¹¹ *nt.*

Số 13-30095

sẽ có thẩm quyền quyết định chính sách và ra hướng dẫn. Sẽ là không logic nếu bỏ qua tuyên bố về ý nghĩa của Hòa Giải được ban hành bởi pháp nhân mà kết quả Hòa Giải đã chứng minh được theo mục đích này.

Cuối cùng, Điều III không thể dễ dàng bị lừa bịp theo kiểu nhanh tay nhanh mắt. Ở đây, tòa án quận đã xác nhận vụ kiện tập thể dựa trên văn bản Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể trong Khiếu Nại Sửa Đổi và Thỏa Thuận Hòa Giải. Định nghĩa này ban đầu có cả “là hệ quả của” - một yêu cầu rõ ràng về quan hệ nhân quả. Với nội dung giải trình của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường thì yêu cầu này không còn nữa. Tòa án quận đã xác nhận một thỏa thuận hòa giải trong vụ kiện tập thể mà, phần lớn, không còn tồn tại. Và bây giờ, tại phiên kháng án, đa số đều giới hạn việc phân tích về vị thế tranh chấp ở mức độ mà nội dung quy định có liên quan của Phần 1.3.1.2. đã không còn hiệu lực. Về bản chất, phân tích này cho thấy Điều III được thỏa mãn bởi những gì mà đã được chuyển đổi thành luận chứng biện hộ vô hiệu. Nhưng Điều III còn yêu cầu hơn thế. Chức năng chính của yêu cầu vị thế tranh chấp là “xác định các tranh chấp mà được giải quyết phù hợp thông qua quy trình pháp lý”. *Whitmore v. Arkansas*, 496 U.S. 149, 155 (1990). Các yêu cầu bồi thường đối với thiệt hại mà “không phải là do hành vi của bị đơn”, *Lujan*, 504 U.S. tại 660, đều không phải là các tranh chấp đó. Ý kiến hiện tại cho thấy các vấn đề này đang được đưa ra không phù hợp tại tòa án liên bang.

B

Đa số ý kiến đều xác định rằng kết quả xác nhận vụ kiện tập thể hòa giải này đã thỏa mãn yêu cầu về vị thế tranh chấp theo Điều III khi áp dụng thẩm định *Kohen*, trong đó quy định rằng các nguyên đơn có tên - trái với các thành viên vắng mặt của tập thể — có thể thỏa mãn các yêu cầu về vị thế tranh chấp theo Điều III. *Kohen*, 571 F.3d tại 676; *ante* tại 15. Mặc dù tôi đồng ý rằng vị thế tranh chấp của các nguyên đơn có tên là rất rõ ràng trong vụ án này, nhưng thẩm định *Kohen* không có hiệu quả. Theo quan điểm của Thẩm Phán Clement về *Deepwater Horizon I*, 732 F.3d tại 344 n.12, *Kohen* không quan tâm tới việc kết thúc xác nhận vụ kiện tập thể hòa giải. Yếu tố khác biệt này chính là cốt lõi.

Số 13-30095

Về phía *Kohen*, tòa án xác định rằng “khả năng có thể xảy ra hoặc chắc chắn sẽ xảy ra” mà vụ án tập thể được xác định sẽ “thường bao gồm cả những cá nhân không bị tổn hại do hành vi của bị đơn” không làm ngăn cản quá trình xác nhận vụ kiện tập thể”. Do đó, tòa án chỉ quan tâm tới các nguyên đơn có tên trong việc đáp ứng yêu cầu vị thế tranh chấp theo Điều III. Tuy nhiên, *Kohen* quan tâm đến xác nhận vụ kiện tập thể trước khi diễn ra phiên tòa chứ không quan tâm đến xác nhận vụ kiện tập thể hòa giải cuối cùng, đồng thời dự đoán rằng sẽ có thêm một giai đoạn để các yêu cầu về vị thế tranh chấp theo Điều III được chứng minh. *Kohen*, 571 F.3d tại 677 (“nếu vụ việc được xét xử thì nguyên đơn này sẽ không thể chứng minh được tổn hại”). Quan điểm của *Kohen* dựa trên thực tế rằng thẩm quyền được đưa ra trong giai đoạn biện hộ vụ kiện tập thể phải được chứng minh. *Như trên* Tuy nhiên, khi xác nhận vụ kiện tập thể hòa giải, giống như tại phiên tòa, sẽ không có thêm các giai đoạn để chứng minh cho vị thế tranh chấp. Hòa giải sẽ kết thúc vụ kiện. Theo đó, công thức đánh giá vị thế tranh chấp theo Điều III “chỉ dành riêng cho các nguyên đơn có tên” của *Kohen* không được áp dụng ở đây.

Ngoài ra, tòa án *Kohen* cũng ủng hộ việc *Denney* tập trung vào định nghĩa vụ kiện tập thể nhằm xác nhận vị thế tranh chấp theo Điều III. *Kohen* đã bác bỏ luận điểm của PIMCO của bị đơn-nguyên kháng rằng tòa án quận cần phải xác nhận vị thế tranh chấp của từng thành viên vụ kiện tập thể trước khi xác nhận vụ kiện tập thể - tức là, các thành viên vắng mặt của tập thể cần phải *chứng minh* vị thế tranh chấp trước khi xác nhận. *nt.* tại 676. Theo tòa án *Kohen*, trách nhiệm phải chứng minh vị thế tranh chấp trong giai đoạn xác nhận vụ kiện tập thể trước khi diễn ra phiên tòa chỉ thuộc về các nguyên đơn có tên. Nhưng *Kohen* cũng đồng thời cho rằng “không nên xác nhận vụ kiện tập thể nếu rõ ràng có nhiều người không hề bị tổn hại do hành vi của bị đơn” *nt.* tại 677. (đã thêm nhấn mạnh). Tòa án cũng đã nói cụ thể “nếu định nghĩa về vụ kiện tập thể *quá rộng*, thì đây cũng là lý do thuyết phục để yêu cầu phải rút gọn lại” *nt.* tại 678. Do đó, không cần quan tâm đến bằng chứng vị thế tranh chấp, *Kohen* cũng thừa nhận thậm chí trong giai đoạn xác nhận vụ kiện tập thể trước khi diễn ra phiên tòa, việc xác nhận cũng đã không đáp ứng các quy định của Điều III nếu

Số 13-30095

bao gồm cả những người yêu cầu bồi thường mà không thể khiếu nại về tổn hại thực tế, quan hệ nhân quả hoặc khả năng phục hồi được. Ở đây, theo nội dung giải trình chính, định nghĩa về vụ kiện tập thể đã thực hiện chính xác quy định này đối với các nhóm yêu cầu bồi thường Tổn Thất Kinh Tế Doanh Nghiệp. Xem Phần I.A trên đây.

C

Kết luận, nội dung giải trình này đã tạo ra một định nghĩa quá rộng về vụ kiện tập thể, trong đó “bao gồm cả những người không có yêu cầu bồi thường hợp pháp”. *Sullivan v. DB Investments, Inc.*, 667 F.3d 273, 340 (Tòa Lưu Động Vùng 3 2011) (Jordan, J. không đồng tình). Theo các quy định có liên quan, một bộ phận những người yêu cầu bồi thường có thể trình tới tòa án liên bang và nhận bồi thường cho các tổn hại mà không nhất thiết phải bị gây ra do hành vi của bị đơn. Không có yêu cầu về quan hệ nhân quả đối với tư cách thành viên trong tập thể, Thỏa Thuận Hòa Giải này tập trung vào các cá nhân và pháp nhân mà không có tranh cãi hoặc vụ án có thể xét xử. Xét trên khía cạnh hành chính, việc loại bỏ quan hệ nhân quả sẽ có hiệu quả hơn nhưng lại vi phạm Điều III do không cho phép tòa án liên bang quản lý các chương trình xét xử riêng. Theo đó, việc xác nhận theo Quy Tắc 23 của tòa án quận là không phù hợp với các quy định của Điều III. Xem *Amchem*, 521 U.S. tại 613.

II

Ngoài việc không đáp ứng được các quy định của Điều III, nội dung giải trình của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường, sau khi loại bỏ yêu cầu quan hệ nhân quả, còn vi phạm tối thiểu hai nội dung của Quy Tắc 23 đồng thời cũng xung đột với Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc, 28 U.S.C. § 2702(b).

A

Quy Tắc 23(a)(2) yêu cầu, như là điều kiện tiên quyết để xác nhận vụ kiện tập thể, rằng “có những vấn đề về mặt pháp lý hoặc thực tế chung cho vụ kiện tập thể”. In *Wal-Mart Stores, Inc. v. Dukes*, 131 S. Ct. 2541, 2551 (2011), Tòa Án Tối Cao đã giải trình điều khoản này để yêu cầu rằng các thành viên của vụ kiện tập thể đã “gặp phải những tổn hại giống nhau”. Quy định này yêu cầu các yêu cầu bồi thường của các thành viên vụ kiện tập thể

Số 13-30095

“phụ thuộc vào luận điểm chung”, việc “đúng hay sai [theo đó] sẽ giải quyết vấn đề mà có tính quyết định tới hiệu lực của từng yêu cầu bồi thường chỉ bằng một quy trình”. *Sdd.* (đã thêm nhấn mạnh). Đa số ý kiến đều xác nhận rằng yêu cầu về tiêu chí đa số được thỏa mãn bởi vô số các câu hỏi pháp lý và thực tế về hành vi gây tổn hại của BP. *Xem ante*, tại 30–31 (liệt kê các câu hỏi chung). Chắc chắn rằng các luận điểm này rất quan trọng với nhiều yêu cầu bồi thường của thành viên vụ kiện tập thể. Tuy nhiên Quy Tắc 23(a)(2) và *Wal-Mart* còn yêu cầu nhiều hơn thế - các luận điểm chung phải hướng tới tính hiệu lực của từng yêu cầu bồi thường. Do vụ kiện tập thể nào bao gồm một số người yêu cầu bồi thường mà tổn hại của họ không nhất thiết phải là do sự cố tràn dầu gây ra nên không thể đáp ứng được điều trên. Ví dụ “[dù] BP có sử dụng thiết kế giếng không phù hợp từ đó gia tăng rủi ro [sự cố] hay không” cũng không nói lên được điều gì về tính hiệu lực của yêu cầu bồi thường thiệt hại kinh tế bị gây ra bởi một yếu tố khác không phải là tràn dầu. Với điều kiện vụ kiện tập thể tập hợp được những người mà tổn hại của họ theo báo cáo là bị gây ra bởi sự cố tràn dầu và cả những người mà không có yêu cầu bồi thường phù hợp, khi đó các vấn đề về trách nhiệm của BP đều không đủ để thỏa mãn tiêu chí đa số của Quy Tắc 23(a).

Luận điểm tương tự cũng hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của Quy Tắc 23(a)(3) về việc “yêu cầu bồi thường hoặc sự biện hộ của các bên đại diện chính là các yêu cầu bồi thường hoặc sự biện hộ của vụ kiện tập thể”. *Cf. ante*, tại 31 n.92. Tòa Án Tối Cao cho rằng “các yêu cầu về đa số và cụ thể của Quy Tắc 23(a) có xu thế hợp nhất”. *Wal-Mart*, 131 S. Ct. tại 2550–51 n.5. Phần lớn ý kiến cho rằng tiêu chí cụ thể được thỏa mãn bởi “các đại diện của vụ kiện tập thể - ví dụ như tất cả các thành viên trong tập thể” đều chứng minh được các thiệt hại về kinh tế và/hoặc tài sản là hệ quả trực tiếp của sự cố tràn dầu Deepwater Horizon”. *Ante*, tại 31 n.92. (trích dẫn *Sự Cố Tràn Dầu do Giàn Khoan tại Deepwater Horizon thuộc Vịnh Mexico, ngày 20/04/2010*, 910 F. Supp. 2d 891, 915 (E.D. La. 2012)). Quan điểm này đã bỏ qua thực tế không thể tránh khỏi là quan hệ nhân quả, được chứng minh ban đầu tại Phần 1.3.1.2, đã được loại bỏ hiệu quả bởi Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường. Căn cứ vào nội dung giải trình chính của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường,

Số 13-30095

tất cả thành viên của vụ kiện tập thể đều không chứng minh được tổn hại của họ là “bắt nguồn trực tiếp” từ sự cố tràn dầu. *Cf. nt.*

Việc xác nhận theo Quy Tắc 23 yêu cầu vụ kiện tập thể được đề xuất phải đáp ứng tất cả các điều kiện tiên quyết của Quy Tắc 23(a). *Xem* W. RUBENSTEIN, A. CONTE & H. NEWBERG, *NEWBERG ON CLASS ACTIONS* § 3:1 (5th ed. 2011). Ở đây thì không có cả tiêu chí đa số lẫn tiêu chí cụ thể.

B

Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc yêu cầu các quy định về tố tụng “không được làm giảm bớt, mở rộng hoặc sửa đổi quyền lợi chính thống”. 28 U.S.C. § 2702(b). Các quy định về kiện tụng tập thể phải được áp dụng phù hợp với nội dung này. *Xem Amchem*, 521 U.S. tại 613. Tiếp đến, chức năng kết hợp của Quy Tắc 23 không thể được sử dụng để “tạo ra các quyền mới và sau đó là giải quyết các yêu cầu bồi thường có liên quan”. *Deepwater Horizon I*, 732 F.3d tại 342; *xem Sullivan*, 667 F.3d tại 343 (Jordan, J. không đồng thuận) (“Quy Tắc 23 [phù hợp] để giải quyết hiệu quả các yêu cầu bồi thường được thừa nhận bởi luật pháp, chứ không phải là để tạo ra các quyền mới”).

Thỏa Thuận Hòa Giải này giải quyết các yêu cầu bồi thường phát sinh theo Luật Hàng Hải Chung (vi phạm các nguyên tắc của luật chung liên bang) và Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu, 33 U.S.C. § 2702(a). Từng yêu cầu bồi thường trong số này đều bao gồm một loại yếu tố quan hệ nhân quả nào đó. Để thắng thế trong vụ kiện do lơ là, nguyên đơn phải chứng minh rằng việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ là nguyên nhân chính xác nhất gây ra tổn hại bị khiếu nại.¹² Theo Đạo Luật Ô Nhiễm Dầu, nguyên đơn phải chứng minh rằng chi phí và thiệt hại là “hệ quả của” sự cố tràn dầu. Như vậy, theo luật áp dụng, không có quyền được bồi thường thiệt hại cho các tổn hại mà không phải bị gây ra bởi sự vi phạm của bị đơn. Sự hòa giải này

¹² Khiếu Nại Tập Thể Sửa Đổi xác nhận về các yêu cầu bồi thường do lơ là, lơ là không thể bỏ qua và sai phạm có chủ ý, và vi phạm hợp đồng theo quy định của luật hàng hải chung. Khiếu nại vi phạm hợp đồng chỉ liên quan đến những người yêu cầu bồi thường trong vụ *Vessels of Opportunity* (“VoO”).

Số 13-30095

cho phép các cá nhân và pháp nhân mà tổn hại của họ không bị gây ra bởi sự cố tràn dầu được khiếu nại và nhận bồi thường thiệt hại. Xem Phần I.A trên đây. Tức là, một tập hợp những người yêu cầu bồi thường đủ tiêu chuẩn không đồng nhất với tập hợp những người yêu cầu bồi thường thực tế (bị tổn hại do tràn dầu), tập hợp thứ hai là một tập hợp con của tập hợp thứ nhất. Do đó, việc hòa giải sẽ làm loại bỏ một thành phần quan trọng trong nguyên nhân của vụ kiện, tạo ra quyền lợi pháp lý cho một số các thành viên của vụ kiện tập thể mà chưa được quy định theo luật. Điều này đã vi phạm Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc - bằng cách tiếp nhận những người yêu cầu bồi thường mà không có tổn hại theo luật nhân quả vào vụ kiện tập thể, chức năng hợp nhất của Quy Tắc 23 đã được sử dụng không phù hợp nhằm mở rộng các quyền hợp pháp. 13

III

Điều làm cho vụ án này trở thành duy nhất có lẽ nằm ở việc quan hệ nhân quả được quy định ngay phần đầu của các hồ sơ quan trọng - Khiếu Nại Sửa Đổi, Định Nghĩa Vụ Kiện Tập Thể, và Thỏa Thuận Hòa Giải - nhưng lại bị loại bỏ trong nội dung giải trình của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường khi áp dụng. Khi đánh giá liệu yêu cầu quan hệ nhân quả về vị thế tranh chấp của Điều III có được chứng minh phù hợp ở giai đoạn xác nhận vụ kiện tập thể hòa giải hay không, tôi luôn tập trung vào định nghĩa vụ kiện tập thể bởi nội dung này đã được giải trình xác đáng chứ không chỉ đơn thuần như đã được đề cập tới. Hiện tại, phần lớn đều đang có một hướng đi khác, làm như thể không quan tâm đến nội dung giải trình của Người Quản Lý Yêu Cầu Bồi Thường.

Những vấn đề được xác định trong sự bất đồng này đều xuất phát từ một vấn đề chung: mối quan hệ nhân quả đã bị loại bỏ để mở rộng đối tượng được yêu cầu bồi thường Tổn Thất Kinh Tế Kinh Doanh. Căn cứ vào các lý do trước thì cần phải hủy xác nhận vụ kiện tập thể. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Thỏa Thuận Hòa Giải là hoàn toàn không có hiệu lực hoặc Quy Tắc 23 không được áp dụng. Tôi đơn giản nhận thấy rằng việc hòa giải với nỗ lực toàn cầu này suýt nữa thì thất bại, nhưng

¹³ Xem *Deepwater Horizon I*, 732 F.3d tại 339–44 (đề nghị tìm hiểu thêm về ảnh hưởng của chính sách nhân quả đối với Điều III, Quy Tắc 23 và Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc).

Số 13-30095

đáng kể, trân trọng. Tôi đã bỏ trống việc xác nhận vụ kiện tập thể và Thỏa Thuận Hòa Giải, đồng thời giữ lại để các bên và tòa án quận có thể tìm ra một giải pháp mà có thể tuân thủ các yêu cầu của Điều III, Quy Tắc 23 và Đạo Luật Thực Thi Quy Tắc.

Trân trọng, tôi không tán thành kết quả.